

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐẠI NAM
KHÓA LUẬT**



VŨ VIỆT HOÀNG

Lớp :LKT13-01..khóa: 13

**MỐI QUAN HỆ GIỮA QUỐC HỘI, CHỦ TỊCH NƯỚC VÀ
CHÍNH PHỦ THEO HIẾN PHÁP NĂM 2013**

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP ĐẠI HỌC

CHUYÊN NGÀNH: Luật Kinh tế

Giảng viên hướng dẫn: PGS.TS Bùi Xuân Đức

Nơi thực hiện đề tài:

Thời gian thực hiện: từ đến

HÀ NỘI 2023

LỜI CAM ĐOAN

Tôi xin cam đoan luận văn tốt nghiệp này là do tôi nghiên cứu và dưới sự hướng dẫn của thầy: PGS.TS Bùi Xuân Đức. Những vấn đề, số liệu thông tin có trong luận văn đảm bảo có sự chính xác và trung thực nhất. Các tài liệu được sử dụng đảm bảo có nguồn gốc, xuất xứ rõ ràng.

SINH VIÊN THỰC HIỆN

Vũ Việt Hoàng

MỤC LỤC

PHẦN MỞ ĐẦU	2
1 Lý do chọn đề tài nghiên cứu	2
2 Tình hình nghiên cứu	2
3 Đối tượng phạm vi nghiên cứu	2
4 Mục đích và nhiệm vụ nghiên cứu	3
5 Giả thuyết khoa học	3
6 Phương pháp nghiên cứu	3
7 Đóng góp của khóa luận	3
8 Bố cục của khóa luận	3
CHƯƠNG 1	4
KHÁI QUÁT VỀ MỐI QUAN HỆ GIỮA QUỐC HỘI, CHỦ TỊCH NƯỚC VÀ CHÍNH PHỦ TRONG BỘ MÁY NHÀ NƯỚC	4
1.1 Ý nghĩa mối quan hệ của Quốc hội, Chủ tịch nước, Chính phủ trong bộ máy nhà nước	4
1.1.1 Vị trí của Quốc hội, Chủ tịch nước và Chính phủ trong bộ máy nhà nước	4
1.1.2 Mối quan hệ giữa Quốc hội, Chủ tịch nước và Chính phủ	7
1.2 Sơ lược về mối quan hệ giữa Quốc hội, Chủ tịch nước, Chính phủ qua Hiến pháp	14
1.2.1 Mối quan hệ theo Hiến pháp năm 1946	14
1.2.2 Mối quan hệ theo Hiến pháp năm 1959	14
1.2.3 Mối quan hệ theo Hiến pháp năm 1980	15
1.2.4 Mối quan hệ theo Hiến pháp năm 1992 và 2013	16
CHƯƠNG 2	19
MỐI QUAN HỆ GIỮA QUỐC HỘI, CHỦ TỊCH NƯỚC VÀ CHÍNH PHỦ THEO HIẾN PHÁP NĂM 2013	19
2.1 Quan hệ tổ chức, thành lập	19
2.1.1 Cách bổ nhiệm Chủ tịch nước	19
2.1.2 Cách thành lập Chính phủ	20
2.2 Quan hệ về thẩm quyền, hoạt động	22
2.2.1 Mối quan hệ về thẩm quyền, hoạt động giữa Chủ tịch nước và Chính phủ	22
2.2.2 Thẩm quyền về quyết định các vấn đề cơ bản của đất nước	23
2.3 Quan hệ giám sát và trách nhiệm	26
2.3.1 Hình thức trách nhiệm giữa Quốc hội và Chủ tịch nước	26
2.3.2 Hình thức trách nhiệm giữa Chủ tịch nước và Chính phủ	38
CHƯƠNG 3	52
MỘT SỐ KIẾN NGHỊ HOÀN THIỆN MỐI QUAN HỆ GIỮA QUỐC HỘI, CHỦ TỊCH NƯỚC VÀ CHÍNH PHỦ	52

3.1 Hoàn thiện quan hệ về thành lập Chủ tịch nước, Chính phủ:	52
3.1.1 Chính phủ:	52
3.1.2 Chủ tịch nước:	54
3.2 Hoàn thiện quan hệ về hoạt động	57
3.3 Hoàn thiện quan hệ về trách nhiệm	58
KẾT LUẬN	59
DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO	60

LỜI CẢM ƠN

Qua 4 năm học tập và rèn luyện tại trường Trường ĐH Đại nam., được sự chỉ bảo và giảng dạy nhiệt tình của quý thầy cô, đặc biệt là quý thầy cô khoa Luật đã truyền đạt cho em những kiến thức về lý thuyết và thực hành trong suốt thời gian học ở trường. Và trong thời gian thực tập tại Công ty Luật TNHH Pháp trị em đã có cơ hội áp dụng những kiến thức học ở trường vào thực tế ở công ty, đồng thời học hỏi được nhiều kinh nghiệm thực tế tại công ty. Cùng với sự nỗ lực của bản thân, em đã hoàn thành khóa luận tốt nghiệp của mình.

Từ những kết quả đạt được này, em xin chân thành cảm ơn:

Quý thầy cô trường ĐH Đại nam, đã truyền đạt cho em những kiến thức bổ ích trong thời gian qua. Đặc biệt, là thầy PGS.TS Bùi Xuân Đức đã tận tình hướng dẫn em hoàn thành tốt báo cáo tốt nghiệp này.

Do kiến thức còn hạn hẹp nên không tránh khỏi những thiếu sót trong cách hiểu, lỗi trình bày. Em rất mong nhận được sự đóng góp ý kiến của quý thầy cô và Ban lãnh đạo để báo cáo tốt nghiệp đạt được kết quả tốt hơn.

PHẦN MỞ ĐẦU

1 Lý do chọn đề tài nghiên cứu

Nhà nước Việt Nam trải qua nhiều thời kì dựng nước giữ nước đã thành lập ra các bản hiến pháp lịch sử tồn tại của hiến pháp gắn với lịch sử loài người do nhu cầu chung sống, duy trì sự tồn tại và phát triển con người cần có nhà nước, các nhà nước cần được xây dựng dựa trên quy tắc tổ chức để đảm bảo rằng bộ máy cơ quan của nó có thể quản lý được mọi hoạt động trong xã hội một cách hiệu quả. Trong hiến pháp đề cập đến bộ máy nhà nước. Bộ máy nhà nước là tổng thể các cơ quan Nhà nước từ Trung ương tới địa phương, được tổ chức, hoạt động theo những nguyên tắc thống nhất, tạo thành cơ chế đồng bộ nhằm thực hiện nhiệm vụ, chức năng của nhà nước.

Bộ máy Nhà nước Việt Nam theo Hiến pháp bao gồm: Quốc hội, Chủ tịch nước, Chính phủ, Tòa án nhân dân, Viện Kiểm sát nhân dân, Chính quyền địa phương.

Trong đề tài nghiên cứu này tập trung vào mối quan hệ giữa Quốc hội, Chủ tịch nước và Chính phủ theo hiến pháp năm 2013 nhằm hiểu rõ hơn về mối quan hệ giữa các bên, cách thành lập và kiến nghị đổi mới...

2 Tình hình nghiên cứu

Trong suốt quá trình nghiên cứu, đề tài đã tham khảo từ nhiều nguồn tài liệu liên quan trực tiếp đến tình hình mối quan hệ giữa Quốc hội, chủ tịch nước, Chính phủ trong hiến pháp, thông qua việc nghiên cứu, phân tích, tổng hợp. Chúng ta càng hiểu rõ hơn về mối quan hệ giữa Quốc hội, Chủ tịch nước và Chính phủ. Từ việc đọc và tìm kiếm tài liệu đã tổng hợp thành một bài khóa luận giúp người đọc hiểu thêm về mối quan hệ giữa Quốc hội, Chủ tịch nước và Chính phủ.

3 Đối tượng phạm vi nghiên cứu

Đề tài tập trung vào mối quan hệ giữa Quốc hội, chủ tịch nước và Chính phủ theo hiến pháp 2013 vì hiến pháp 2013 về bản chất chính là phiên bản hoàn thiện của hiến pháp năm 1992 nên Hiến pháp năm 2013 là đầy đủ và hoàn thiện hơn so với các bản hiến pháp trước.

4 Mục đích và nhiệm vụ nghiên cứu

Mục đích nghiên cứu đề tài khóa luận tốt nghiệp nhằm hiểu rõ Mọi quan hệ giữa Quốc hội, Chủ tịch nước và Chính phủ theo hiến pháp 2013 nhằm tìm ra các quan hệ tổ chức thành lập, thẩm quyền hoạt động cũng như các quan hệ giám sát và trách nhiệm giữa Quốc hội, Chủ tịch nước và Chính phủ theo hiến pháp 2013, từ đó rút ra kiến nghị hoàn thiện về mối quan hệ giữa các bên nói trên.

5 Giả thuyết khoa học

Mặc dù trải qua lịch sử xây dựng bộ máy nhà nước qua Hiến pháp các năm cho tới nay đã có 5 bản hiến pháp. Mỗi bản hiến pháp gắn với một giai đoạn phát triển của đất nước với những nét đặc thù riêng. Mỗi bản hiến pháp cũng quy định về bộ máy nhà nước trong thời kỳ tương ứng với đặc điểm và tính chất riêng. Ở trong bài khóa luận tốt nghiệp này tập trung vào mối quan hệ giữa Quốc hội, Chủ tịch nước và Chính phủ vì là bản hiến pháp đầy đủ và hoàn thiện hơn so với các bản hiến pháp trước, nhưng cũng sử dụng các bản hiến pháp trước đó nhằm mục đích nghiên cứu và đưa ra được những gì đã có và kiến nghị hoàn thiện dựa trên những tài liệu đọc được nhằm giúp cho nền lập pháp của nước CHXH chủ nghĩa Việt Nam phát triển một cách bền vững hơn.

6 Phương pháp nghiên cứu

Phương pháp nghiên cứu được áp dụng trong đề tài này là phương pháp phân tích và tổng hợp dựa trên những tài liệu thu thập được từ nhiều văn bản, nguồn khác nhau.

7 Đóng góp của khóa luận

Việc tìm hiểu mối quan hệ giữa Quốc hội, Chủ tịch nước, Chính phủ theo hiến pháp năm 2013 sẽ giúp chúng ta tìm ra được những mối quan hệ giữa các bên nói trên cũng như những điểm cần kiến nghị khắc phục hoặc thay đổi qua đó có những biện pháp khắc phục hoàn thiện.

8 Bố cục của khóa luận

Khóa luận có bố cục: Mở đầu, 3 chương, kết luận và danh mục tài liệu tham khảo.

3 chương của khóa luận là:

Chương 1 : Khái quát về mối quan hệ giữa quốc hội, chủ tịch nước và chính phủ trong bộ máy nhà nước

Chương 2: Mối quan hệ giữa quốc hội, chủ tịch nước và chính phủ theo hiến pháp năm 2013

Chương 3: Một số kiến nghị hoàn thiện mối quan hệ giữa quốc hội, chủ tịch nước và chính phủ

CHƯƠNG 1

KHÁI QUÁT VỀ MỐI QUAN HỆ GIỮA QUỐC HỘI, CHỦ TỊCH NƯỚC VÀ CHÍNH PHỦ TRONG BỘ MÁY NHÀ NƯỚC

1.1 Ý nghĩa mối quan hệ của Quốc hội, Chủ tịch nước, Chính phủ trong bộ máy nhà nước

1.1.1 Vị trí của Quốc hội, Chủ tịch nước và Chính phủ trong bộ máy nhà nước

a) Quốc hội:

Trong Hiến pháp năm 2013, về vị trí, Quốc hội vẫn được quy định là cơ quan đại biểu cao nhất của Nhân dân, cơ quan quyền lực nhà nước cao nhất của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam như Hiến pháp năm 1992. Tuy nhiên, khác với Hiến pháp năm 1992, Quốc hội trong Hiến pháp năm 2013 không còn là cơ quan duy nhất có quyền lập hiến.

Đây là sự thay đổi cơ bản về nhận thức xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa mà Đảng ta đã đề ra trong Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội (bổ sung, phát triển năm 2011), đồng thời kế thừa tư tưởng lập hiến của Chủ tịch Hồ Chí Minh trong Hiến pháp năm 1946. Trong nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của Nhân dân, do Nhân dân và vì Nhân dân, Nhân dân thực hiện quyền lực nhà nước không chỉ thông qua các cơ quan đại diện (Quốc hội, Hội đồng nhân dân) mà còn thông qua các cơ quan nhà nước khác, và bằng cả hình thức dân chủ trực tiếp như phúc quyết Hiến pháp khi Quốc hội quyết định (Điều 120), trưng cầu ý dân (Điều 29). Vì thế, quyền lập hiến cao hơn quyền lập pháp, Nhân dân sử dụng quyền lập hiến để thiết lập quyền lực nhà nước, trong đó có quyền lập pháp. Bằng quyền lập hiến của mình, Nhân dân giao cho Quốc hội thực hiện một số quyền cụ thể như quyết định việc làm Hiến pháp, sửa đổi Hiến pháp khi có ít nhất 2/3 tổng số đại biểu Quốc hội biểu quyết tán thành; thành lập Ủy ban sửa đổi Hiến pháp; thảo luận và thông qua Hiến pháp khi có ít nhất 2/3 tổng số đại biểu Quốc hội biểu quyết tán thành (Điều 120).

Về chức năng của Quốc hội, Hiến pháp năm 2013 đã xác định rõ hơn, khái quát hơn trên ba phương diện: thực hiện quyền lập hiến, quyền lập pháp; quyết định những vấn đề quan trọng của đất nước; giám sát tối cao đối với hoạt động của Nhà nước.

Vị trí pháp lý của Quốc hội còn được thể hiện rõ trong các mối quan hệ giữa Quốc hội, Chính phủ, Tòa án nhân dân tối cao trong việc thực hiện quyền lực nhà nước. Cùng với sự phân công rành mạch chức năng, nhiệm vụ của các cơ quan trong việc thực hiện các quyền lập pháp, hành pháp và tư pháp, cơ chế kiểm soát quyền lực nhà nước còn được thực hiện thông qua sự phối hợp chặt chẽ giữa các cơ quan trong việc thực hiện chức năng, nhiệm vụ của mình, tránh lẫn lộn, chồng chéo, mâu thuẫn khi thực hiện các chức năng, nhiệm vụ đó. Để tăng cường quan hệ phối hợp trong việc thực hiện quyền lập hiến, quyền lập pháp, Hiến pháp năm 2013 khẳng định Quốc hội là cơ quan thực hiện quyền lập hiến, quyền lập pháp.

b) Chủ tịch Nước:

Hiến pháp năm 2013 được thông qua là sự kiện chính trị, pháp lý đặc biệt quan trọng, đánh dấu bước tiến mới trong lịch sử lập hiến nước ta. Với đặc điểm thể chế chính trị và mô hình tổ chức bộ máy nhà nước của Việt Nam thì chế định chủ tịch nước trong Hiến pháp năm 2013 đã có những thay đổi tích cực, hợp lý. Một điểm mới của Hiến pháp năm 2013 là sau khi được bầu, chủ tịch nước phải tuyên thệ trung thành với Tổ quốc, Nhân dân và Hiến pháp.

Hiến pháp năm 2013 tiếp tục khẳng định chủ tịch nước thống lĩnh lực lượng vũ trang nhân dân, giữ chức Chủ tịch Hội đồng quốc phòng và an ninh. Trước đây, Khoản 9 Điều 103 Hiến pháp năm 1992 quy định: “Chủ tịch nước quyết định phong hàm, cấp sĩ quan cấp cao trong các lực lượng vũ trang nhân dân”. Tuy nhiên, hàm, cấp sĩ quan cấp cao trong các lực lượng vũ trang nhân dân là những hàm, cấp nào thì Hiến pháp không quy định.

Điều này chỉ có thể được làm rõ thông qua Luật Sĩ quan quân đội nhân dân (QĐND) Việt Nam năm 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2008) và Luật Công an nhân dân (CAND) năm 2005. Điều 25 Luật Sĩ quan QĐND Việt Nam quy định: “Chủ tịch nước phong, thăng quân hàm Đại tướng, Thượng tướng; Thủ tướng Chính phủ phong, thăng quân hàm Trung tướng,

Thiếu tướng”. Tương tự, Điều 25 Luật CAND năm 2005 cũng quy định: “Chủ tịch nước phong, thăng cấp bậc hàm Thượng tướng, Đại tướng. Thủ tướng Chính phủ phong, thăng cấp bậc hàm Thiếu tướng, Trung tướng”.

Hiến pháp năm 2013 đã quy định cụ thể, rõ ràng hơn. Theo đó, chủ tịch nước “quyết định phong hàm, cấp sĩ quan cấp tướng trong các lực lượng vũ trang nhân dân” (Khoản 5 Điều 88). Với quy định này, việc phong, thăng cấp hàm Trung tướng, Thiếu tướng trong quân đội và công an trước đây thuộc về Thủ tướng Chính phủ thì nay thuộc về chủ tịch nước. Chủ tịch nước là người đứng đầu Nhà nước Việt Nam, thay mặt nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam về đối nội và đối ngoại. Chủ tịch nước do Quốc hội bầu trong số đại biểu Quốc hội. Chủ tịch nước chịu trách nhiệm và báo cáo công tác trước Quốc hội. Nhiệm kỳ của chủ tịch nước theo nhiệm kỳ của Quốc hội là 5 năm. Khi Quốc hội hết nhiệm kỳ, chủ tịch nước tiếp tục làm nhiệm vụ cho đến khi Quốc hội khóa mới bầu ra chủ tịch nước.

c) Chính Phủ:

Từ khi Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam ra đời cho tới nay, Chính phủ với tư cách là cơ quan hành chính nhà nước ở trung ương được xác định với những tên gọi khác nhau, vị trí, chức năng, cơ cấu tổ chức, nhiệm vụ, quyền hạn phù hợp trong từng giai đoạn cụ thể.

Ngay trong bản Hiến pháp đầu tiên của Nhà nước ta - Hiến pháp năm 1946 - để thực hiện chính quyền mạnh mẽ, sáng suốt của Nhân dân và thể hiện tính thống nhất của quyền lực nhà nước, Điều 22 đã quy định “Nghị viện nhân dân là cơ quan có quyền cao nhất của nước Việt Nam dân chủ cộng hòa”. Nghị viện bầu ra Chính phủ - cơ quan hành chính nhà nước cao nhất của toàn quốc.

Đến Hiến pháp năm 1959, tại Điều 71 quy định “Hội đồng Chính phủ là cơ quan chấp hành của cơ quan quyền lực nhà nước cao nhất, và là cơ quan hành chính nhà nước cao nhất của nước Việt Nam dân chủ cộng hòa”. Với quy định này, Hiến pháp năm 1959 đã thể hiện quyền lực nhà nước tập trung vào hệ thống cơ quan dân cử. Hội đồng Chính phủ vẫn được xác định là cơ quan hành chính nhà nước, nhưng đồng thời cũng là cơ quan chấp hành của cơ quan quyền lực nhà nước cao nhất. Kế thừa quy định của Hiến pháp năm 1959, Hiến

pháp năm 1980 tiếp tục khẳng định tính chất chấp hành của Hội đồng Bộ trưởng trước Quốc hội, nhưng vị trí, chức năng của cơ quan này đã có sự thay đổi: “Hội đồng Bộ trưởng là Chính phủ của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, là cơ quan chấp hành và là cơ quan hành chính nhà nước cao nhất của cơ quan quyền lực nhà nước cao nhất” (Điều 104). Các thành viên của Hội đồng Bộ trưởng đều do Quốc hội bầu, bãi nhiệm và miễn nhiệm. Hội đồng Bộ trưởng không chỉ chịu trách nhiệm và báo cáo công tác trước Quốc hội, trong thời gian Quốc hội không họp chịu trách nhiệm và báo cáo công tác trước Hội đồng Nhà nước.

Đến năm 1992, bên cạnh việc đổi tên Hội đồng Bộ trưởng thành Chính phủ, Hiến pháp năm 1992 đã xác định lại vị trí của Chính phủ: “Chính phủ là cơ quan chấp hành của Quốc hội và là cơ quan hành chính nhà nước cao nhất của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam” (Điều 109).

Đến Hiến pháp năm 2013, với quy định Chính phủ là “cơ quan hành chính nhà nước cao nhất của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, thực hiện quyền hành pháp, là cơ quan chấp hành của Quốc hội” (Điều 94). Quy định này đã phản ánh sự gắn bó chặt chẽ và thống nhất trong việc thực hiện quyền lập pháp và quyền hành pháp của Nhà nước ta. Là cơ quan chấp hành của Quốc hội (cơ quan đại biểu cao nhất của Nhân dân, cơ quan quyền lực nhà nước cao nhất), Chính phủ không chỉ có nhiệm vụ tổ chức thi hành Hiến pháp, luật, nghị quyết của Quốc hội, pháp lệnh, nghị quyết của Ủy ban thường vụ Quốc hội, lệnh, quyết định của Chủ tịch nước (khoản 1 Điều 96), báo cáo công tác trước Quốc hội, Ủy ban thường vụ Quốc hội, Chủ tịch nước mà còn có trách nhiệm giải trình trước Quốc hội, Ủy ban thường vụ Quốc hội, Chủ tịch nước về việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của mình. Thông qua xem xét báo cáo công tác của Chính phủ, Quốc hội, Ủy ban thường vụ Quốc hội, Chủ tịch nước giám sát việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn và trách nhiệm quản lý, điều hành của Chính phủ.

1.1.2 Mối quan hệ giữa Quốc hội, Chủ tịch nước và Chính phủ

Mối quan hệ của Quốc hội với chủ tịch nước, chính phủ:

-Mối quan hệ giữa Quốc hội với Chính phủ:

“Chính phủ là cơ quan hành chính nhà nước cao nhất của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, thực hiện quyền hành pháp, là cơ quan chấp hành của Quốc hội.” (Điều 94 Hiến pháp năm 2013). Ta thấy, Quốc hội và Chính phủ gắn bó mật thiết với nhau để xây dựng, phát huy tối đa tiềm lực quốc gia.

1. Về tổ chức:

Quốc hội quy định tổ chức và hoạt động của Chính phủ. Thủ tướng Chính phủ do Quốc hội bầu trong số các đại biểu Quốc hội (Điều 98) tại kỳ họp đầu tiên của mỗi khóa. Chính phủ độc lập về nhân viên: ngoài Thủ tướng, các thành viên Chính phủ không thể đồng thời là thành viên Ủy ban thường vụ Quốc hội (khoản 3 Điều 73 Hiến pháp năm 2013). Thủ tướng Chính phủ trình Quốc hội phê chuẩn đề nghị bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức Phó Thủ tướng Chính phủ, Bộ trưởng và thành viên khác của Chính phủ (Khoản 3 Điều 98 và khoản 7 Điều 70 Hiến pháp năm 2013).

Nhiệm kỳ của Chính phủ theo nhiệm kỳ của Quốc hội. Khi Quốc hội hết nhiệm kỳ, Chính phủ tiếp tục làm nhiệm vụ cho đến khi Quốc hội khóa mới thành lập Chính phủ (Điều 97 Hiến pháp năm 2013).

Theo điều 2 Luật tổ chức Chính phủ năm 2001 hay khoản 9 Điều 70 Hiến pháp năm 2013, Quốc hội quyết định thành lập hoặc bãi bỏ các bộ và các cơ quan ngang bộ theo đề nghị của Thủ tướng Chính phủ để cho phù hợp với thực tế đất nước và hoạt động có hiệu quả. Với Quốc hội khóa XIII, Chính phủ có 28 chức danh kể cả Thủ tướng, Phó Thủ tướng, Bộ trưởng và Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, tương ứng quản lý 22 bộ và cơ quan ngang bộ.

2. Về hoạt động:

Quốc hội quyết định những vấn đề quan trọng của đất nước như kế hoạch, ngân sách, các loại thuế, ban hành Hiến pháp và luật... Chính phủ phải tổ chức thực hiện hiệu quả các văn bản do Quốc hội ban hành. Trên cơ sở cụ thể hóa bằng các văn bản dưới luật, Chính phủ đề ra biện pháp thích hợp, phân công, chỉ đạo, kiểm tra việc thực hiện các văn bản đó trên thực tế. Điều này thể hiện quyền lực giữa Quốc hội và Chính phủ: Chính phủ là cơ quan chấp hành của Quốc hội, thống nhất quản lý các lĩnh vực của đời sống xã hội.

Mức độ quyền lực tiếp tục được thể hiện ở hình thức văn bản hai cơ quan ban hành. Quốc hội ban hành hiến pháp, luật, nghị quyết; Chính phủ ban hành kế hoạch, chính sách vĩ mô, đề xuất định hướng phát triển kinh tế-xã hội để trình Quốc hội, trình dự thảo luật trước Quốc hội; không được trái với các văn bản mà Quốc hội đã ban hành, nếu trái Quốc hội có quyền bãi bỏ.

Việc trình các dự luật của Chính phủ trước khi trình Quốc hội thông qua phải được Ủy ban của Quốc hội thẩm tra. Các Ủy ban của Quốc hội có quyền yêu cầu thành viên Chính phủ báo cáo, giải trình hoặc cung cấp tài liệu về những vấn đề cần thiết. Khi đó thì người được yêu cầu có trách nhiệm đáp ứng yêu cầu đó (theo khoản 1 Điều 77 Hiến pháp năm 2013). Quốc hội và Ủy ban thường vụ Quốc hội có quyền đình chỉ việc thi hành văn bản của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ; bãi bỏ văn bản của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ trái với pháp lệnh, nghị quyết của Ủy ban thường vụ Quốc hội (khoản 10 Điều 70 và khoản 3, 4 Điều 74 Hiến pháp năm 2013).

Thủ tướng Chính phủ có quyền đề nghị Quốc hội họp kín, yêu cầu Quốc hội họp bất thường (Khoản 1, 2 Điều 83 Hiến pháp năm 2013). Hoạt động của Chính phủ chịu sự kiểm tra giám sát của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Chính phủ chịu trách nhiệm trước Quốc hội và báo cáo công tác trước Quốc hội, Ủy ban thường vụ Quốc hội, Chủ tịch nước. Thủ tướng Chính phủ chịu trách nhiệm trước Quốc hội về hoạt động của Chính phủ và những nhiệm vụ được giao; báo cáo công tác của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ trước Quốc hội, Ủy ban thường vụ Quốc hội, Chủ tịch nước (Điều 94 và khoản 2 Điều 95 Hiến pháp năm 2013). Đại biểu Quốc hội thắc mắc về hoạt động của Chính phủ có quyền chất vấn Thủ tướng Chính phủ, Bộ trưởng và các thành viên khác của Chính phủ và người bị chất vấn phải trả lời trước Quốc hội tại kỳ họp hoặc tại phiên họp Ủy ban thường vụ Quốc hội trong thời gian giữa hai kỳ họp Quốc hội; trong trường hợp cần thiết, Quốc hội, Ủy ban thường vụ Quốc hội cho trả lời bằng văn bản (khoản 1, 2 Điều 80 Hiến pháp năm 2013).

-Mối quan hệ giữa Quốc hội với Chủ tịch nước:

“Chủ tịch nước là người đứng đầu Nhà nước, thay mặt nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam về đối nội và đối ngoại” (Điều 86 Hiến pháp năm 2013). Chủ tịch nước là

cơ quan đặc biệt, giữ vai trò quan trọng trong việc bảo đảm sự phối hợp thống nhất giữa các bộ phận của bộ máy nhà nước. Quốc hội phải gắn kết chặt chẽ với Chủ tịch nước để thực hiện quyền lực của mình.

1. Về tổ chức:

Chủ tịch nước do Quốc hội bầu trong số đại biểu Quốc hội. Nhiệm kỳ của Chủ tịch nước theo nhiệm kỳ của Quốc hội. Khi Quốc hội hết nhiệm kỳ, Chủ tịch nước tiếp tục làm nhiệm vụ cho đến khi Quốc hội khóa mới bầu ra Chủ tịch nước (Điều 87 Hiến pháp năm 2013). Tại kỳ họp đầu tiên của Quốc hội, các Đại biểu Quốc hội bầu ra Ủy ban thường vụ Quốc hội mới. Sau đó, Ủy ban thường vụ Quốc hội đề nghị Quốc hội bầu Chủ tịch nước mới, người trúng cử chức danh này phải được 2/3 tổng số Đại biểu Quốc hội bỏ phiếu tán thành.

Quốc hội bãi, miễn nhiệm đối với Chủ tịch nước trong các trường hợp không còn đủ năng lực đảm nhiệm trọng trách của mình như mắc sai phạm làm ảnh hưởng

đến lợi ích quốc gia căn cứ vào các kết quả giám sát hay vì lý do sức khỏe mà không thể tại nhiệm (khoản 7 Điều 70 Hiến pháp năm 2013).

2. Về hoạt động:

Quốc hội quy định hoạt động của Chủ tịch nước. Quốc hội và Chủ tịch nước có quan hệ mật thiết trong lĩnh vực lập pháp. Mọi hoạt động của Chủ tịch nước phải tuân theo những điều, khoản được quy định trong Hiến pháp và các văn bản pháp luật liên quan do Quốc hội ban hành.

Theo khoản 1 Điều 88 Hiến pháp năm 2013, Chủ tịch nước có nhiệm vụ công bố các văn bản Quốc hội thông qua như Hiến pháp, luật, pháp lệnh... Chủ tịch nước phải công bố chậm nhất là mười lăm ngày kể từ ngày văn bản pháp luật ấy được Quốc hội thông qua (Điều 91 Luật tổ chức Quốc hội năm 2001).

Với Hiến pháp, luật do Quốc hội thông qua thì Chủ tịch nước công bố để thực hiện. Còn với pháp lệnh do Ủy ban thường vụ Quốc hội thông qua, Chủ tịch nước có quyền “đề nghị Ủy ban thường vụ Quốc hội xem xét lại pháp lệnh trong thời hạn mười ngày, kể từ ngày

pháp lệnh được thông qua, nếu pháp lệnh đó vẫn được Ủy ban thường vụ Quốc hội biểu quyết tán thành mà Chủ tịch nước vẫn không nhất trí thì Chủ tịch nước sẽ trình Quốc hội vào kỳ họp gần nhất” (theo khoản 1 Điều 88 Hiến pháp 2013). Trong trường hợp này nếu Quốc hội đồng ý nó sẽ được thông qua, còn không sẽ bị hủy bỏ. Đồng thời Quốc hội cũng có quyền bãi bỏ các văn bản của Chủ tịch nước trái với Hiến pháp, luật, nghị quyết của Quốc hội (khoản 10 Điều 70 Hiến pháp năm 2013).

Chủ tịch nước có quyền đề nghị Quốc hội bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Phó Chủ tịch nước, Thủ tướng Chính phủ; căn cứ vào nghị quyết của Quốc hội bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức Phó Thủ tướng, Bộ trưởng và các thành viên khác của Chính phủ; đề nghị Quốc hội bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chánh án Tòa án nhân dân tối cao, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao; căn cứ vào nghị quyết của Quốc hội, bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao (Khoản 2,3 Điều 88 Hiến pháp năm 2013).

Chủ tịch nước có quyền trình các dự án luật trước Quốc hội, kiến nghị về luật thông qua việc kiến nghị ban hành luật mới hoặc sửa đổi, bổ sung luật hiện hành (Điều 71 Tổ chức Quốc hội năm 2001) khi xét thấy cần thiết. Ví dụ: ngày 14/12/2010, văn phòng Chủ tịch nước đã họp báo công bố lệnh số 17/2010/L-CTN của Chủ tịch nước về Luật khoáng sản (sửa đổi). Luật được Quốc hội thông qua kì họp thứ 8 của Quốc hội khóa XII vừa qua, luật có hiệu lực thi hành từ ngày 1/7/2011.

Theo khoản 3, 5 Điều 88 Hiến pháp năm 2013, Chủ tịch nước căn cứ vào nghị quyết của Quốc hội (hoặc Ủy ban thường vụ Quốc hội ở khoản 5) công bố quyết định đại xá; công bố, bãi bỏ quyết định tuyên bố tình trạng chiến tranh; ra lệnh tổng động viên hoặc động viên cục bộ, công bố, bãi bỏ tình trạng khẩn cấp; trong trường hợp Ủy ban thường vụ Quốc hội không thể họp được, công bố, bãi bỏ tình trạng khẩn cấp trong cả nước hoặc ở từng địa phương.

-Mối quan hệ giữa Chủ tịch nước và Quốc hội

Về việc tổ chức bộ máy nhà nước trong Hiến pháp 2013 đã khẳng định rằng: Quyền lực nhà nước là thống nhất, có sự phân công, phối hợp, kiểm soát giữa các cơ quan nhà nước trong việc thực hiện quyền lập pháp, hành pháp, tư pháp để mỗi cơ quan có thể phát huy

hiệu lực trong việc thi hành các chức năng nhiệm vụ và phối hợp với nhau tạo thành một hệ thống đồng bộ, chặt chẽ, tạo nên sức mạnh tổng hợp của quyền lực Nhà nước.

Theo quy định tại Điều 87 Hiến pháp 2013, Chủ tịch nước do Quốc hội bầu ra trong số đại biểu Quốc hội, theo sự giới thiệu của Ủy ban thường vụ Quốc hội với nhiệm kì theo nhiệm kì của Quốc hội và phải chịu trách nhiệm báo cáo công tác trước Quốc hội.

Trước đây, Chủ tịch nước nằm trong Quốc hội, là chủ tịch tập thể. Cho tới Hiến pháp năm 1992 và Hiến pháp 2013, Chủ tịch nước đã được quy định cho thiết chế riêng, tuy nhiên vẫn nghiêng về phía Quốc hội nhiều hơn là gắn bó với Chính phủ như trong Hiến pháp 1946 và 1959. Chủ tịch nước có quyền đề nghị Quốc hội bầu, bãi miễn Phó chủ tịch nước, Thủ tướng Chính phủ, Chánh án tòa án nhân dân tối cao, Viện trưởng viện kiểm sát nhân dân tối cao. Tổ chức và hoạt động của Chủ tịch nước đề do Quốc hội quy định. Quốc hội còn có quyền bãi bỏ các văn bản của Chủ tịch nước nếu văn bản đó trái với Hiến pháp, nghị định của Quốc hội (Điều 70 Hiến pháp 2013). Chủ tịch nước có quyền trình các dự án luật ra trước Quốc hội, kiến nghị về luật thông qua việc kiến nghị ban hành luật mới hoặc sửa đổi, bổ sung luật hiện hành (Điều 84 Hiến pháp 2013). Chủ tịch nước có quyền tham dự phiên họp của Ủy ban thường vụ Quốc hội (Điều 60 Luật Tổ chức Quốc hội 2014 sửa đổi, bổ sung 2020); đề nghị Ủy ban thường vụ Quốc hội xem xét lại các pháp lệnh, Nghị quyết của Ủy ban thường vụ Quốc hội.... Xét về mối quan hệ giữa Chủ tịch nước và Quốc hội, qua đó ta có thể thấy mối quan hệ mật thiết, mang tính phát sinh và gắn bó với Quốc hội.

-Mối quan hệ giữa Chủ tịch nước và Chính phủ.

Từ chỗ là bộ phận của Chính phủ (theo Hiến pháp năm 1946), Chủ tịch nước tách ra thành một cơ quan độc lập, với vai trò đại diện cho đại diện cho nhà nước về đối nội, đối ngoại. Mối quan hệ giữa Chủ tịch nước và Chính phủ được quy định từ Hiến pháp năm 1992 (sửa đổi bổ sung năm 2001) đến Hiến pháp năm 2013 và luật tổ chức Chính phủ hiện hành quy định như sau: Chủ tịch nước đề nghị Quốc hội bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Thủ tướng Chính phủ; Chủ tịch nước căn cứ vào Nghị quyết của Quốc hội hoặc Ủy ban thường vụ Quốc hội bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức Phó thủ tướng, Bộ trưởng và các thành viên khác của Chính phủ(Khoản 2 Điều 88 Hiến pháp năm 2013). Trong thời gian Quốc hội

không hợp, Chủ tịch nước có quyền quyết định tạm đình chỉ công tác của Phó thủ tướng, Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ theo đề nghị của Thủ tướng.

Chính phủ mời Chủ tịch nước tham dự phiên họp của Chính phủ và trình Chủ tịch nước quyết định các vấn đề thuộc thẩm quyền của Chủ tịch nước. Thủ tướng chính phủ đôn đốc, kiểm tra việc thực hiện các quyết định của Chủ tịch nước. Các báo cáo của Chính phủ trước khi trình lên Chủ tịch nước phải được thảo luận, và biểu quyết theo đa số.

Việc xác định rõ mối quan hệ giữa hai cơ quan này là để tăng cường vai trò của Chủ tịch nước đối với bộ máy hành pháp và đảm bảo sự phối hợp chặt chẽ, có hiệu quả giữa Quốc hội, Chủ tịch nước và Chính phủ.

-Mối quan hệ giữa chính phủ và Chủ tịch nước:

Từ Hiến pháp 1959, lần đầu tiên tính chất, vị trí Hội đồng Chính phủ được quy định là cơ quan chấp hành của cơ quan quyền lực nhà nước cao nhất. Đến Hiến pháp năm 1980, với thiết chế Hội đồng Bộ trưởng, quy định này tiếp tục được kế thừa và phát triển theo hướng tập quyền hơn. Hiến pháp 1992 đã sự điều chỉnh nhất định, xác định Chính phủ "là cơ quan chấp hành của Quốc hội", thể hiện tiến nhận thức quan trọng về mối quan hệ giữa Quốc hội với Chính phủ.

Tính chất, vị trí và chức năng của Chính phủ là cơ quan chấp hành của Quốc hội suy cho cùng là việc Chính phủ chấp hành và tổ chức thi hành các đạo luật, các nghị quyết của Quốc hội; là thể hiện tính chịu trách nhiệm của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ và các thành viên Chính phủ trước Quốc hội; là cơ sở cho việc thực hiện quyền giám sát tối cao của Quốc hội đối với Chính phủ; là bảo đảm sự gắn bó chặt chẽ giữa Chính phủ và Quốc hội, bảo đảm tính thống nhất trong việc thực hiện quyền lập pháp và hành pháp. Và trên hết là thể hiện đúng nguyên tắc quyền lực nhà nước là thống nhất, có sự phân công, phối hợp và kiểm soát giữa các cơ quan nhà nước trong thực hiện quyền lập pháp, hành pháp và tư pháp. Quốc hội là cơ quan quyền lực nhà nước cao nhất, cơ quan duy nhất do cử tri cả nước bầu ra, là cơ quan đại biểu cao nhất của nhân dân. Chính phủ có trách nhiệm phải tuân thủ và thực hiện các luật, nghị quyết của Quốc hội, báo cáo công tác trước Quốc hội, chịu trách nhiệm giải trình trước Quốc hội về việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được phân công.

Với quy định khái quát “Chính phủ là cơ quan hành chính nhà nước cao nhất nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, thực hiện quyền hành pháp, cơ quan chấp hành của Quốc hội”, Hiến pháp đã đồng thời thể hiện tính chất, vị trí, chức năng của Chính phủ trên 3 phương diện: hành chính nhà nước, hành pháp, chấp hành của Quốc hội, gắn bó chặt chẽ với nhau. Chính vì vậy, cả về nhận thức và thực tiễn, các chức năng của Chính phủ (hành chính nhà nước, hành pháp và chấp hành) có sự đan xen, quan hệ chặt chẽ với nhau, khó phân biệt, tách bạch.

1.2 Sơ lược về mối quan hệ giữa Quốc hội, Chủ tịch nước, Chính phủ qua Hiến pháp

1.2.1 Mối quan hệ theo Hiến pháp năm 1946

Trong hiến pháp năm 1946 chúng ta có Nghị viện nhân dân (sau này là quốc hội)

Nghị viện nhân dân là cơ quan có quyền cao nhất của nước Việt Nam dân chủ cộng hoà (**Điều thứ 22** hiến pháp năm 1946). Nghị viện nhân dân giải quyết mọi vấn đề chung cho toàn quốc, đặt ra các pháp luật, biểu quyết ngân sách, chuẩn y các hiệp ước mà Chính phủ ký với nước ngoài

Trong hiến pháp năm 1946 cụ thể là tại **Điều thứ 43:**

“Cơ quan hành chính cao nhất của toàn quốc là Chính phủ Việt Nam dân chủ cộng hoà.”

Và **Điều thứ 44:**

“Chính phủ gồm có Chủ tịch nước Việt Nam dân chủ cộng hoà, Phó chủ tịch và Nội các.

Nội các có Thủ tướng, các Bộ trưởng, Thứ trưởng. Có thể có Phó Thủ tướng.”

Như vậy trong hiến pháp năm 1946 đã phân rõ Nghị viện nhân dân có quyền cao nhất và cơ quan hành chính cao nhất là chính phủ trong chính phủ có bao gồm chủ tịch nước.

1.2.2 Mối quan hệ theo Hiến pháp năm 1959

Tất cả quyền lực trong nước Việt Nam dân chủ cộng hoà đều thuộc về nhân dân. Nhân dân sử dụng quyền lực của mình thông qua Quốc hội và Hội đồng nhân dân các cấp do nhân dân bầu ra và chịu trách nhiệm trước nhân dân.

Quốc hội, Hội đồng nhân dân các cấp và các cơ quan Nhà nước khác đều thực hành nguyên tắc tập trung dân chủ.

Việc tuyển cử đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp đều tiến hành theo nguyên tắc phổ thông, bình đẳng, trực tiếp và bỏ phiếu kín.

Đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp có thể bị cử tri bãi miễn trước khi hết nhiệm kỳ nếu tỏ ra không xứng đáng với sự tín nhiệm của nhân dân.

Quốc hội là cơ quan quyền lực Nhà nước cao nhất của nước Việt Nam dân chủ cộng hoà, là cơ quan duy nhất có quyền lập pháp của nước Việt Nam dân chủ cộng hoà.

1.2.3 Mối quan hệ theo Hiến pháp năm 1980

Đây là thời kỳ Quốc hội được tổ chức và hoạt động theo Hiến pháp năm 1980 và Luật tổ chức Quốc hội và Hội đồng nhân dân Nhà nước năm 1981. Theo đó, Quốc hội được xác định là cơ quan đại biểu cao nhất của nhân dân, cơ quan quyền lực cao nhất của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam. Quốc hội là cơ quan duy nhất có quyền lập hiến và lập pháp. Quốc hội quyết định những chính sách cơ bản về đối nội và đối ngoại, những mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội, những nguyên tắc chủ yếu về tổ chức và hoạt động của bộ máy nhà nước, về quan hệ xã hội và hoạt động của công dân. Quốc hội thực hiện quyền giám sát tối cao đối với toàn bộ hoạt động của Nhà nước.

Hiến pháp năm 1980 đề cập Chủ tịch nước là cơ quan cao nhất hoạt động thường xuyên của Quốc hội, là Chủ tịch tập thể của nước CHXHCN Việt Nam. Với tư cách đứng đầu nhà nước và là cơ quan thường trực cao nhất của Quốc hội

Chính phủ theo hiến pháp năm 1980 là cơ quan chấp hành của quốc hội và là cơ quan hành chính cao nhất của Quốc hội.

Mặt trận tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị xã hội có vị trí, vai trò quan trọng đối với hoạt động của chính phủ cũng như của cả bộ máy nhà nước nói chung , nhằm phát

huy sức mạnh tổng hợp của cả hệ thống chính trị dưới sự lãnh đạo của Đảng trong quản lý điều hành các mặt đời sống kinh tế- xã hội của đất nước.

1.2.4 Mối quan hệ theo Hiến pháp năm 1992 và 2013

Vị trí, chức năng của Chính phủ đã được quy định trong Điều 109 Hiến pháp năm 1992 (sửa đổi, bổ sung năm 2001). Theo đó: “Chính phủ là cơ quan chấp hành của Quốc hội, cơ quan hành chính Nhà nước cao nhất của nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam”.

Hiến pháp năm 1992 mới chỉ đề cập đến Chính phủ với tư cách là cơ quan chấp hành, cơ quan hành chính Nhà nước còn Chính phủ với tư cách là cơ quan thực hiện quyền hành pháp chưa được làm rõ.

Hiến pháp năm 2013 kế thừa đồng thời bổ sung để thể hiện một cách toàn diện tính chất, vị trí, chức năng của Chính phủ. Điều 109 Hiến pháp năm 2013: “Chính phủ là cơ quan hành chính nhà nước cao nhất của nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam, thực hiện quyền hành pháp, là cơ quan chấp hành của Quốc hội”.

Như vậy, lần đầu tiên trong lịch sử lập hiến VN, Hiến pháp chính thức khẳng định Chính phủ là cơ quan thực hiện quyền hành pháp. Đây là cơ sở pháp lý quan trọng giúp xác định cụ thể, rõ ràng, đầy đủ chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, vai trò của Chính phủ trong điều kiện phát triển nền kinh tế thị trường, xây dựng Nhà nước pháp quyền XHCN Việt Nam.

Về chế định Chủ tịch nước, Hiến pháp năm 2013 đã xác định rõ hơn quyền hạn của Chủ tịch nước khi xác định Chủ tịch nước “quyết định phong, thăng, giáng tước quân hàm cấp tướng, chuẩn đô đốc, phó đô đốc, đô đốc hải quân, bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức Tổng tham mưu trưởng, Chủ nhiệm Tổng cục chính trị quân đội nhân dân Việt Nam” thay cho quy định quyết định phong hàm, cấp “sĩ quan cấp cao” trong các lực lượng vũ trang nhân dân như quy định trong Hiến pháp năm 1992.

Trên cơ sở sửa đổi, bổ sung Điều 83 Hiến pháp 1992, Hiến pháp 2013 tiếp tục khẳng định Quốc hội là cơ quan đại biểu cao nhất của Nhân dân, cơ quan quyền lực nhà nước cao

nhất của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, thực hiện quyền lập hiến, quyền lập pháp, quyết định các vấn đề quan trọng của đất nước và giám sát tối cao đối với hoạt động của Nhà nước. Hiến pháp 2013 đã sửa đổi quy định về nhiệm vụ và quyền hạn của Quốc hội.

Mối quan hệ giữa Quốc hội với chủ tịch nước: Trong mối quan hệ với Quốc hội, với hoạt động lập pháp và trong việc thực hiện các chức năng, nhiệm vụ khác của Quốc hội cũng như trong mối quan hệ với Chính phủ và với các cơ quan tư pháp, Chủ tịch Nước ở nước ta tiếp tục được Hiến pháp xác định là một thiết chế quan trọng trong bộ máy nhà nước, có vai trò phối hợp quyền lực, là bảo đảm quan trọng cho việc thực hiện các chức năng đối nội, đối ngoại của Nhà nước và cho hoạt động của các cơ quan lập pháp, hành pháp, tư pháp của quyền lực nhà nước.

có một vài điều chỉnh nhỏ nhằm quy định cụ thể hơn thẩm quyền phong, thăng, giáng, tước quân hàm các cấp của lực lượng vũ trang nhân dân, trong việc yêu cầu Chính phủ họp bàn vấn đề mà Chủ tịch Nước xét thấy cần thiết để thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của Chủ tịch Nước.

Mối quan hệ giữa Chính phủ và chủ tịch nước: Từ chỗ là bộ phận của Chính phủ (theo Hiến pháp năm 1946), đến Hiến pháp năm 2013 Chủ tịch nước đề nghị Quốc hội bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Thủ tướng Chính phủ; Chủ tịch nước căn cứ vào Nghị quyết của Quốc hội hoặc Ủy ban thường vụ Quốc hội bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức Phó thủ tướng, Bộ trưởng và các thành viên khác của Chính phủ (Khoản 2 Điều 88 Hiến pháp năm 2013). Trong thời gian Quốc hội không họp, Chủ tịch nước có quyền quyết định tạm đình chỉ công tác của Phó thủ tướng, Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ theo đề nghị của Thủ tướng.

Chính phủ mời Chủ tịch nước tham dự phiên họp của Chính phủ và trình Chủ tịch nước quyết định các vấn đề thuộc thẩm quyền của Chủ tịch nước. Thủ tướng chính phủ đôn đốc, kiểm tra việc thực hiện các quyết định của Chủ tịch nước. Các báo cáo của Chính phủ trước khi trình lên Chủ tịch nước phải được thảo luận, và biểu quyết theo đa số.

Việc xác định rõ mối quan hệ giữa hai cơ quan này là để tăng cường vai trò của Chủ tịch nước đối với bộ máy hành pháp và đảm bảo sự phối hợp chặt chẽ, có hiệu quả giữa Quốc hội, Chủ tịch nước và Chính phủ.

TIỂU KẾT: Qua chương 1 chúng ta đã biết qua về mối quan hệ giữa Quốc hội, Chủ tịch nước và Chính phủ trong bộ máy nhà nước thông qua nghiên cứu tài liệu văn bản hiện có biết được ý nghĩa mối quan hệ, vị trí của Quốc hội, Chủ tịch nước, Chính phủ. Và nghiên cứu được sơ lược về mối quan hệ giữa Quốc hội, Chủ tịch nước, Chính phủ qua các hiến pháp từ năm 1946 đến 2013.

CHƯƠNG 2

MỐI QUAN HỆ GIỮA QUỐC HỘI, CHỦ TỊCH NƯỚC VÀ CHÍNH PHỦ THEO HIẾN PHÁP NĂM 2013

2.1 Quan hệ tổ chức, thành lập

2.1.1 Cách bổ nhiệm Chủ tịch nước

Các ứng cử viên cho chức vụ Chủ tịch nước thường phải là một ủy viên Bộ Chính trị. Theo quy trình, trước Đại hội Đảng khóa mới, Ban Chấp hành Trung ương khóa cũ sẽ họp Hội nghị Trung ương để bỏ phiếu các phương án nhân sự cho Quốc hội khóa mới và bầu ra danh sách giới thiệu Chủ tịch nước cùng các chức danh lãnh đạo khác. Sau Đại hội Đảng khóa mới, Bộ Chính trị trình lại danh sách giới thiệu các chức vụ lãnh đạo Đảng, Nhà nước, Chính phủ và Quốc hội cho Ban Chấp hành Trung ương khóa mới biểu quyết thống nhất để trình Quốc hội khóa mới bầu. Tại "Quy định số 105 về phân cấp quản lý cán bộ và bổ nhiệm, giới thiệu cán bộ ứng cử" của Ban Chấp hành Trung ương ngày 19/12/2017 có quy định rõ hơn về việc quyết định chức danh Chủ tịch nước sẽ do Ban Bí thư quyết định.

Ủy ban thường vụ Quốc hội, dưới sự chỉ đạo của Đảng đoàn Quốc hội sẽ giới thiệu tới Quốc hội khóa mới danh sách đề cử ứng viên Chủ tịch nước dựa theo danh sách giới thiệu đã được Ban Chấp hành Trung ương thông qua theo nguyên tắc lãnh đạo công tác cán bộ của Đảng. Trình tự bầu Chủ tịch nước được quy định cụ thể vào Điều 31, Mục 1, Chương III: Quyết định vấn đề quan trọng của đất nước của "Nghị quyết Ban hành nội quy kỳ họp Quốc hội" số 102/2015/QH13 do Quốc hội khóa XIII ban hành ngày 24/11/2015 như sau:

- Ủy ban thường vụ Quốc hội trình danh sách đề cử để Quốc hội bầu Chủ tịch nước.
- Ngoài danh sách do Ủy ban thường vụ Quốc hội đề nghị, đại biểu Quốc hội có quyền giới thiệu thêm hoặc tự ứng cử vào chức danh Chủ tịch nước; người được giới thiệu ứng cử có quyền rút khỏi danh sách người ứng cử.
- Đại biểu Quốc hội thảo luận tại Đoàn đại biểu Quốc hội; Chủ tịch Quốc hội có thể họp với các Trưởng đoàn đại biểu Quốc hội để trao đổi về các vấn đề có liên quan.

- Ủy ban thường vụ Quốc hội báo cáo Quốc hội kết quả thảo luận tại Đoàn đại biểu Quốc hội và giải trình, tiếp thu ý kiến của đại biểu Quốc hội; trình Quốc hội quyết định danh sách người ứng cử do đại biểu Quốc hội giới thiệu hoặc tự ứng cử.

- Quốc hội thảo luận, biểu quyết thông qua danh sách đề bầu Chủ tịch nước.
- Quốc hội thành lập Ban kiểm phiếu.
- Quốc hội bầu Chủ tịch nước bằng hình thức bỏ phiếu kín.
- Ban kiểm phiếu công bố kết quả kiểm phiếu, biểu quyết.
- Quốc hội thảo luận, biểu quyết thông qua nghị quyết bầu Chủ tịch nước.
- Chủ tịch nước tuyên thệ.

Tại mỗi kỳ họp đầu tiên của Quốc hội khóa mới sẽ bầu ra một Ban kiểm phiếu làm nhiệm vụ điều hành và xác định kết quả bỏ phiếu với các thành viên "không là người trong danh sách đề Quốc hội bầu, phê chuẩn; miễn nhiệm, bãi nhiệm, cho thôi làm nhiệm vụ; phê chuẩn miễn nhiệm, cách chức; lấy phiếu tín nhiệm, bỏ phiếu tín nhiệm" (Điều 27, Nghị quyết Ban hành nội quy kỳ họp Quốc hội số 102/2015/QH).

Cách thức để xác định kết quả bỏ phiếu bầu các chức danh trong bộ máy nhà nước, bao gồm cả Chủ tịch nước, được quy định như sau cũng trong Khoản 3a, Điều 27, Mục 1, Chương III "Nghị quyết Ban hành nội quy kỳ họp Quốc hội số 102/2015/QH1" rằng: "Trường hợp biểu quyết bầu các chức danh trong bộ máy nhà nước, người được quá nửa số phiếu hợp lệ tán thành so với tổng số đại biểu Quốc hội và được nhiều phiếu tán thành hơn thì trúng cử. Trường hợp cùng bầu một chức danh mà nhiều người được số phiếu tán thành ngang nhau và đạt quá nửa số phiếu hợp lệ tán thành so với tổng số đại biểu Quốc hội thì Quốc hội biểu quyết lại việc bầu chức danh này trong số những người được số phiếu hợp lệ tán thành ngang nhau. Trong số những người được đưa ra biểu quyết lại, người được số phiếu tán thành nhiều hơn là người trúng cử; nếu biểu quyết lại mà nhiều người vẫn được số phiếu tán thành ngang nhau thì người nhiều tuổi hơn là người trúng cử".

2.1.2 Cách thành lập Chính phủ

Chính phủ là cơ quan hành chính nhà nước cao nhất của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, thực hiện quyền hành pháp, là cơ quan chấp hành của Quốc hội; chịu trách nhiệm trước Quốc hội và báo cáo công tác trước Quốc hội, Ủy ban thường vụ Quốc hội, Chủ tịch nước. Chính phủ do Chủ tịch nước thành lập và Quốc hội phê chuẩn, có nhiệm kỳ theo nhiệm kỳ của Quốc hội (5 năm). Khi Quốc hội hết nhiệm kỳ, Chính phủ tiếp tục làm nhiệm vụ cho đến khi Quốc hội khóa mới bầu Chủ tịch nước và phê chuẩn chính phủ mới.

Căn cứ Điều 2 Luật tổ chức Chính phủ 2015, sửa đổi bổ sung 2019, Chính phủ được tổ chức gồm các Bộ, cơ quan ngang bộ. Bộ, cơ quan ngang bộ là cơ quan của Chính phủ thực hiện chức năng quản lý nhà nước về một hoặc một số ngành; lĩnh vực và dịch vụ công thuộc ngành, lĩnh vực trong phạm vi toàn quốc. Chính phủ quy định cụ thể chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn; và cơ cấu tổ chức của từng bộ, cơ quan ngang bộ.

Cơ cấu tổ chức của bộ, cơ quan ngang bộ gồm vụ, văn phòng; thanh tra, cục, tổng cục, đơn vị sự nghiệp công lập. Trong đó, vụ, văn phòng, thanh tra, cục, tổng cục, đơn vị sự nghiệp công lập có người đứng đầu. Số lượng cấp phó của người đứng đầu tổng cục không quá 04; Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ quyết định số lượng cấp phó của người đứng đầu vụ, văn phòng, thanh tra, cục, đơn vị sự nghiệp công lập bảo đảm bình quân không quá 03 người trên một đơn vị.

Việc thành lập các vụ, văn phòng, thanh tra, cục, tổng cục, đơn vị sự nghiệp công lập; do Chính phủ quyết định căn cứ vào tính chất, phạm vi quản lý, chức năng, nhiệm vụ; và quyền hạn của từng bộ, cơ quan ngang bộ.

Chính phủ gồm Thủ tướng, các phó thủ tướng, các bộ trưởng và thủ trưởng cơ quan ngang bộ. Cơ cấu, số lượng thành viên Chính phủ do Quốc hội quyết định. Chính phủ làm việc theo chế độ tập thể, quyết định theo đa số. Cụ thể như sau:

Thủ tướng Chính phủ do Quốc hội bầu trong số các đại biểu Quốc hội theo đề nghị của Chủ tịch nước. Thủ tướng Chính phủ là người đứng đầu Chính phủ và hệ thống hành chính nhà nước.

Phó Thủ tướng Chính phủ giúp Thủ tướng Chính phủ làm nhiệm vụ theo sự phân công của Thủ tướng Chính phủ và chịu trách nhiệm trước Thủ tướng Chính phủ về nhiệm vụ

được phân công. Khi Thủ tướng Chính phủ vắng mặt, một Phó Thủ tướng Chính phủ được Thủ tướng Chính phủ ủy nhiệm thay mặt Thủ tướng Chính phủ lãnh đạo công tác của Chính.

Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ là thành viên Chính phủ; và là người đứng đầu bộ, cơ quan ngang bộ, lãnh đạo công tác của bộ, cơ quan ngang bộ. Chịu trách nhiệm quản lý nhà nước về ngành, lĩnh vực được phân công. Tổ chức thi hành và theo dõi việc thi hành pháp luật liên quan đến ngành; lĩnh vực trong phạm vi toàn quốc.

Về nguyên tắc tổ chức và hoạt động của Chính phủ, Chính phủ có nhiệm vụ tuân thủ Hiến pháp và pháp luật; quản lý xã hội bằng Hiến pháp và pháp luật; thực hiện nguyên tắc tập trung dân chủ; bảo đảm bình đẳng giới.

Phân định rõ nhiệm vụ, quyền hạn, trách nhiệm giữa Chính phủ; Thủ tướng Chính phủ với Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ và chức năng; phạm vi quản lý giữa các bộ, cơ quan ngang bộ; đề cao trách nhiệm cá nhân của người đứng đầu.

Tổ chức bộ máy hành chính tinh gọn, năng động, hiệu lực, hiệu quả; bảo đảm nguyên tắc cơ quan cấp dưới phục tùng sự lãnh đạo, chỉ đạo và chấp hành nghiêm chỉnh các quyết định của cơ quan cấp trên.

Minh bạch, hiện đại hóa hoạt động của Chính phủ, các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan hành chính nhà nước các cấp; bảo đảm thực hiện một nền hành chính thống nhất, thông suốt, liên tục, dân chủ, hiện đại, phục vụ Nhân dân, chịu sự kiểm tra, giám sát của Nhân dân.

2.2 Quan hệ về thẩm quyền, hoạt động

2.2.1 Mối quan hệ về thẩm quyền, hoạt động giữa Chủ tịch nước và Chính phủ

Trong mối quan hệ với Chính phủ, theo Hiến pháp năm 1946, Chủ tịch nước là người đứng đầu Chính phủ, đến Hiến pháp năm 1959, 1992 và 2013 Chủ tịch nước không phải là người đứng đầu Chính phủ nhưng có vai trò quan trọng trong việc thành lập Chính phủ. Chủ tịch nước đề nghị Quốc hội bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Thủ tướng Chính phủ; căn cứ vào nghị quyết của Quốc hội, bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức Phó Thủ tướng Chính phủ, bộ trưởng và thành viên khác của Chính phủ. Kế thừa quy định của Hiến pháp năm 1992, Hiến

pháp năm 2013 quy định trách nhiệm báo cáo của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ trước Chủ tịch nước. Cụ thể, Điều 94 Hiến pháp quy định:

“Chính phủ chịu trách nhiệm trước Quốc hội và báo cáo công tác trước Quốc hội, ủy ban thường vụ Quốc hội, Chủ tịch nước”.

Đồng thời, Khoản 2 Điều 95 Hiến pháp cũng quy định: Thủ tướng Chính phủ “Báo cáo công tác của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ trước Quốc hội, ủy ban thường vụ Quốc hội, Chủ tịch nước”.

Chính phủ báo cáo công tác trước Quốc hội, Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Chủ tịch nước là thực hiện trách nhiệm giải trình. Thông qua xem xét báo cáo công tác của Chính phủ, Quốc hội, Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Chủ tịch nước giám sát việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn và trách nhiệm quản lý, điều hành của Chính phủ.

Về thẩm quyền của Chủ tịch nước tham dự phiên họp của Chính phủ, Hiến pháp năm 1992 quy định Chủ tịch nước có quyền tham dự các phiên họp của Chính phủ, nhưng rất ít khi Chủ tịch nước tham gia, vì các phiên họp của Chính phủ đều bàn về những vấn đề liên quan đến nhiệm vụ, quyền hạn của Chính phủ. Trong khi đó những vấn đề liên quan đến nhiệm vụ, quyền hạn của Chủ tịch nước cần yêu cầu Chính phủ họp bàn để thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của Chủ tịch nước thì Chủ tịch nước lại không có quyền. Do vậy, để khắc phục hạn chế của Hiến pháp năm 1992, Hiến pháp năm 2013 đã bổ sung thẩm quyền mới, đó là:

“Chủ tịch nước có quyền yêu cầu Chính phủ họp bàn về vấn đề mà Chủ tịch nước xét thấy cần thiết để thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của Chủ tịch nước”- Theo Điều 90 Hiến pháp năm 2013.

Quy định này đã đề cao vai trò của nguyên thủ quốc gia trong việc phối hợp, điều hòa việc thực hiện quyền lực nhà nước, mặt khác còn thể hiện tính chủ động hơn của người đứng đầu nhà nước đối với hoạt động của cơ quan hành pháp.

2.2.2 Thẩm quyền về quyết định các vấn đề cơ bản của đất nước

Hiến pháp năm 2013 tiếp tục khẳng định rõ “Quốc hội là cơ quan đại biểu cao nhất của nhân dân, cơ quan quyền lực nhà nước cao nhất của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam. Quốc hội thực hiện quyền lập hiến, quyền lập pháp, quyết định các vấn đề quan trọng của đất nước và giám sát tối cao đối với hoạt động của Nhà nước”.

Theo Điều 70 của Hiến pháp năm 2013, Quốc hội có 15 nhiệm vụ và quyền hạn. Ngoài công tác lập pháp và giám sát tối cao, Quốc hội còn có quyền quyết định mục tiêu, chỉ tiêu, chính sách, nhiệm vụ cơ bản phát triển kinh tế - xã hội của đất nước; quyết định chính sách cơ bản về tài chính, tiền tệ quốc gia; quy định, sửa đổi hoặc bãi bỏ các thứ thuế; quyết định phân chia các khoản thu và nhiệm vụ chi giữa ngân sách Trung ương và ngân sách địa phương; quyết định mức giới hạn an toàn nợ quốc gia, nợ công, nợ chính phủ; quyết định dự toán ngân sách nhà nước và phân bổ ngân sách Trung ương, phê chuẩn quyết toán ngân sách nhà nước; quyết định chính sách dân tộc, chính sách tôn giáo của Nhà nước; bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch nước, Phó chủ tịch nước, Chủ tịch Quốc hội, Phó chủ tịch Quốc hội, Thủ tướng Chính phủ, Chánh án Tòa án Nhân dân Tối cao, Viện trưởng Viện Kiểm sát Nhân dân Tối cao, Chủ tịch Hội đồng Bầu cử quốc gia, Tổng Kiểm toán nhà nước; phê chuẩn đề nghị bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức Phó thủ tướng Chính phủ, bộ trưởng và thành viên khác của Chính phủ, thẩm phán Tòa án Nhân dân Tối cao; quyết định thành lập, bãi bỏ bộ, cơ quan ngang bộ của Chính phủ; thành lập, giải thể, nhập, chia, điều chỉnh địa giới hành chính tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, đơn vị hành chính-kinh tế đặc biệt; quyết định vấn đề chiến tranh và hòa bình; quy định về tình trạng khẩn cấp, các biện pháp đặc biệt khác bảo đảm quốc phòng và an ninh quốc gia; quyết định chính sách cơ bản về đối ngoại; quyết định trưng cầu ý dân...

a) Trong mối quan hệ giữa Quốc hội và Chủ tịch nước

Quốc hội bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch nước; nhiệm kì theo nhiệm kì của Quốc hội, khi Quốc hội hết nhiệm kì thì Chủ tịch nước tiếp tục làm việc cho đến khi Quốc hội khoá mới bầu ra Chủ tịch nước mới; sau khi được bầu, chủ tịch nước phải tuyên thệ trung thành với tổ quốc, nhân dân và hiến pháp.

Quốc hội quy định tổ chức và hoạt động của Chủ tịch nước. Chủ tịch nước chịu trách nhiệm báo cáo công tác trước Quốc hội. Quốc hội có quyền bỏ phiếu tín nhiệm đối với chủ tịch nước.

Đại biểu Quốc hội có quyền chất vấn Chủ tịch nước, Chủ tịch nước phải trả lời chất vấn trước Quốc hội tại kì họp, trong trường hợp cần điều tra thì Quốc hội có thể quyết định cho trả lời trước Ủy ban thường vụ Quốc hội hoặc tại kì họp sau của Quốc hội hoặc gửi văn bản trả lời.

Quốc hội có quyền bãi bỏ các văn bản của chủ tịch nước trái với Hiến pháp, luật, nghị quyết của Quốc hội. Chủ tịch nước công bố hiến pháp, luật, pháp lệnh; trình dự án luật ra trước Quốc hội về luật thông qua việc ban hành luật mới hoặc sửa đổi bổ sung luật hiện hành.

Chủ tịch nước có quyền tham dự phiên họp của ủy ban thường vụ Quốc hội, đề nghị Ủy ban thường vụ Quốc hội xem xét lại pháp lệnh trong thời hạn mười ngày, kể từ ngày pháp lệnh được thông qua, nếu pháp lệnh đó vẫn được Ủy ban thường vụ Quốc hội biểu quyết tán thành mà Chủ tịch nước vẫn không nhất trí thì Chủ tịch nước trình Quốc hội quyết định tại kì họp gần nhất.

Chủ tịch nước trình Quốc hội danh sách các thành viên Hội đồng Quốc phòng và an ninh. Trong đó, Chủ tịch nước là Chủ tịch Hội đồng quốc phòng và an ninh, trình Quốc hội quyết định tình trạng chiến tranh, trong trường hợp Quốc hội không họp thì trình Ủy ban thường vụ Quốc hội quyết định.

Chủ tịch nước căn cứ vào nghị quyết của Quốc hội hoặc Ủy ban thường vụ Quốc hội, công bố, bãi bỏ, quyết định tình trạng chiến tranh; căn cứ vào nghị quyết của Quốc hội để công bố quyết định ân xá; căn cứ vào nghị quyết của Ủy ban thường vụ Quốc hội, bổ nhiệm, miễn nhiệm, quyết định cử, triệu hồi đại sứ đặc mệnh toàn quyền của nước CHXHCN Việt Nam.

b) Mối quan hệ giữa Quốc hội với Chính phủ

Mối quan hệ giữa Quốc hội với Chính phủ, chính là mối quan hệ giữa quyền lập pháp và quyền hành pháp. Đây là mối quan hệ cơ bản tạo nên mô hình tổ chức nhà nước, mà trong

khoa học pháp lý - cũng như trong chính trị học, hành chính học - gọi là mô hình chính thể nhà nước. Mỗi quan hệ này chỉ có thể có được khi có sự phân chia giữa ba quyền: lập pháp, hành pháp và tư pháp.

Từ thực tiễn những năm qua trong tổ chức quyền lực nhà nước ở Việt Nam, Hiến pháp (năm 2013) đã quy định tại Điều 96 về các nhiệm vụ và quyền hạn của Chính phủ, trong đó có nhiệm vụ, quyền hạn ghi tại khoản 2: "2. Đề xuất, xây dựng chính sách trình Quốc hội, Ủy ban thường vụ Quốc hội quyết định hoặc quyết định theo thẩm quyền để thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn quy định tại Điều này; trình dự án luật, dự án ngân sách nhà nước và các dự án khác trước Quốc hội; trình dự án pháp lệnh trước Ủy ban thường vụ Quốc hội;". Đây là một quyền nguyên thủy, ở nghĩa hẹp nhất của quyền hành pháp. Đây cũng là tâm điểm của tất cả quyền hành pháp hiện đại mà ngay cả trong Hiến pháp của các nước phát triển cũng chưa có được quy định này. Đây cũng là điểm nhấn quan trọng nhất trong mối quan hệ giữa Quốc hội và Chính phủ.

Bên cạnh đó, Quốc hội quy định tổ chức và hoạt động của Chính phủ. Thủ tướng Chính phủ do Quốc hội bầu trong số các đại biểu Quốc hội (Điều 98) tại kỳ họp đầu tiên của mỗi khóa. Chính phủ độc lập về nhân viên: ngoài Thủ tướng, các thành viên Chính phủ không thể đồng thời là thành viên Ủy ban thường vụ Quốc hội (khoản 3 Điều 73 Hiến pháp năm 2013). Thủ tướng Chính phủ trình Quốc hội phê chuẩn đề nghị bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức Phó Thủ tướng Chính phủ, Bộ trưởng và thành viên khác của Chính phủ (Khoản 3 Điều 98 và khoản 7 Điều 70 Hiến pháp năm 2013).

Nhiệm kỳ của Chính phủ theo nhiệm kỳ của Quốc hội. Khi Quốc hội hết nhiệm kỳ, Chính phủ tiếp tục làm nhiệm vụ cho đến khi Quốc hội khóa mới thành lập Chính phủ (Điều 97 Hiến pháp năm 2013).

2.3 Quan hệ giám sát và trách nhiệm

2.3.1 Hình thức trách nhiệm giữa Quốc hội và Chủ tịch nước

a. Khái quát về hình thức trách nhiệm của Quốc hội:

Thứ nhất, Quốc hội là cơ quan đại biểu cao nhất của nhân dân, cơ quan quyền lực nhà nước cao nhất của nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam. Bài viết phân tích những quy định của Luật Hiến Pháp về vị trí, chức năng của Quốc Hội, cụ thể:

Quốc hội xuất hiện từ khi xuất hiện nhà nước tư sản. Tiếng Anh gọi là Congress. Trong nhà nước tư sản, với nguyên tắc "tam quyền phân lập" quốc hội là cơ quan nắm quyền lập pháp; là cơ quan làm việc, theo chế độ hội nghị và biểu quyết theo đa số, vì vậy quốc hội còn gọi là nghị viện. Phần lớn quốc hội của các nước tư bản được chia làm hai viện là thượng nghị viện (hay còn gọi là viện nguyên lão) và hạ nghị viện (hay viện dân biểu). Tuy nhiên, cũng có một số nước theo chế độ một viện như Phần Lan, Thụy Điển, Na Uy...

Quốc hội theo nghĩa Hán Việt là đại hội đại biểu nhân dân toàn quốc hay còn gọi là quốc dân đại hội. Quốc hội đầu tiên của Việt Nam được ra đời trên cơ sở của cuộc tổng tuyển cử ngày 6.1.1946, Tiền thân của Quốc hội nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam là Quốc dân đại hội Tân Trào (tháng 8 năm 1945). Từ năm 1946 đến nay, đã qua 11 lần bầu cử quốc hội và Quốc hội hiện nay là Quốc hội khoá XI.

Quốc hội nước Cộng hoà Xã hội chủ nghĩa Việt Nam do cử tri cả nước trực tiếp bầu ra theo các nguyên tắc phổ thông, bình đẳng, trực tiếp và bỏ phiếu kín. Quốc hội có nhiệm kỳ là 5 năm. Quốc hội là cơ quan duy nhất có quyền lập hiến và lập pháp. Quốc hội quyết định các chính sách cơ bản về đối nội và đối ngoại, nhiệm vụ kinh tế, xã hội, quốc phòng, an ninh của đất nước, các nguyên tắc chủ yếu về tổ chức và hoạt động của bộ máy nhà nước, về quan hệ xã hội và hoạt động của công dân. Quốc hội thực hiện quyền giám sát tối cao đối với toàn bộ hoạt động của bộ máy nhà nước. Quốc hội vừa mang chủ quyền nhà nước vừa mang chủ quyền của nhân dân.

Thứ hai, điểm lại sự ra đời và phát triển của Quốc hội Việt Nam, ta thấy được chiều sâu lịch sử và tính cách mạng trong việc hình thành và xây dựng hình thức trách nhiệm của Quốc hội. Cụ thể như sau:

Ngày 16 và ngày 17 tháng 8 năm 1945, tại Tân Trào, Quốc dân đại hội đã được triệu tập gồm có 60 đại biểu của các tổ chức đoàn thể cách mạng đã quyết định nhiều vấn đề quan trọng, lập ra Ủy ban dân tộc giải phóng trung ương (tức Chính phủ lâm thời). Vì vậy,

Quốc dân đại hội được coi là tiền thân của Quốc hội nước ta, đã động viên toàn thể nhân dân đứng lên làm cuộc Cách mạng tháng Tám thành công.

Ngày 08 tháng 9 năm 1945, Hồ Chủ tịch đã kí sắc lệnh số 14 mở cuộc Tổng tuyển cử tự do trong cả nước để bầu Quốc dân đại hội. Trong hoàn cảnh hiểm nghèo, trước nguy cơ mất nước nhưng ngày 06 tháng 01 năm 1946, nhân dân ta trong cả nước đã tiến hành cuộc Tổng tuyển cử tự do thắng lợi, bầu ra Quốc hội nước Việt Nam Dân chủ cộng hòa, đó là Quốc hội đầu tiên, Quốc hội khóa I của nước ta.

Trong kì họp thứ nhất của Quốc hội ngày 02 tháng 3 năm 1946, Chính phủ liên hiệp kháng chiến đã được thành lập và Quốc hội cũng đã cử ra Ban dự thảo Hiến pháp của nước Việt Nam Dân chủ cộng hòa. Tại kì họp thứ hai (cuối tháng 10 đến đầu tháng 11 năm 1946), Quốc hội đã thông qua bản Hiến pháp đầu tiên của nước Việt Nam Dân chủ cộng hòa trong phiên họp ngày 09 tháng 11 năm 1946, vạch ra những nhiệm vụ chính trị của nhân dân và chính quyền trong giai đoạn trước mắt.

Lẽ ra, sau khi thông qua Hiến pháp thì Quốc hội phải giải tán và bầu ra Nghị viện nhân dân. Bởi vì, trong sắc lệnh số 14 ngày 08 tháng 9 năm 1945 của Hồ Chủ tịch có nói: “Tổng tuyển cử bầu Quốc hội lập hiến” nhưng do tình hình khẩn cấp lúc bấy giờ nên Quốc hội chưa giải tán. Tại kì họp, nhiều đại biểu đề nghị Quốc hội lãnh trách nhiệm trong một thời gian nữa cho đến khi bầu ra Nghị viện mới theo quy định của Hiến pháp năm 1946. Tháng 12 năm 1946, thực dân Pháp gây chiến tranh trên toàn cõi Việt Nam. Vì hoàn cảnh kháng chiến và theo yêu cầu của các đại biểu, Quốc hội khóa I vẫn tiếp tục làm nhiệm vụ cho đến năm 1959, Quốc hội cũng đã bầu ra Ban thường trực; nhưng nhiệm vụ và quyền hạn của Ban thường trực chỉ hạn chế ở một số việc như liên lạc với Chính phủ; cùng với Chính phủ ban bố và thi hành Hiến pháp; triệu tập Quốc hội. Ban thường trực Quốc hội chưa thực sự là cơ quan thay mặt cơ quan quyền lực nhà nước cao nhất giữa hai kì họp.

Kì họp thứ sáu của Quốc hội khóa I từ ngày 29 tháng 12 năm 1956 đến ngày 25 tháng 01 năm 1957 đã quyết định sửa đổi Hiến pháp năm 1946 cho phù hợp với giai đoạn mới của cách mạng. Tại kì họp thứ 11 của Quốc hội, ngày 31 tháng 12 năm 1959 bản Hiến pháp sửa đổi đã được thông qua, Hiến pháp năm 1959 ra đời.

Theo Hiến pháp năm 1959, cơ quan quyền lực nhà nước cao nhất không gọi là Nghị viện nhân dân như trong Hiến pháp năm 1946, mà gọi là Quốc hội nước Việt Nam Dân chủ cộng hòa. Cũng tại kì họp thứ 11, ngày 31 tháng 12 năm 1959 Quốc hội đã ra nghị quyết khẳng định rằng: "Nước Việt Nam là một, dân tộc Việt Nam là một. Quốc hội nước Việt Nam Dân chủ cộng hòa tiêu biểu cho tính chất thống nhất của nước ta và tiêu biểu cho ý chí tranh đấu của nhân dân cả hai miền Nam - Bắc".

Thứ ba, về hình thức trách nhiệm của Quốc hội ta có thể hiểu rằng đây là cơ quan đại biểu cao nhất của Nhân dân, cơ quan quyền lực nhà nước cao nhất nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam – cơ quan có chức năng và nhiệm vụ vô cùng quan trọng đối với đất nước. Quốc hội thực hiện quyền lập hiến, quyền lập pháp, quyết định các vấn đề quan trọng của đất nước và giám sát tối cao đối với hoạt động của Nhà nước.

Về chức năng của Quốc hội, Hiến pháp năm 2013 đã xác định rõ hơn, khái quát hơn trên ba phương diện: thực hiện quyền lập hiến, quyền lập pháp; quyết định những vấn đề quan trọng của đất nước; giám sát tối cao đối với hoạt động của Nhà nước.

Trước hết, về thực hiện quyền lập hiến, quyền lập pháp, Hiến pháp năm 2013 đã có sự phân biệt rõ ràng giữa quyền lập hiến, quyền lập pháp và thay quy định “Quốc hội là cơ quan duy nhất có quyền lập hiến và lập pháp” bằng quy định “Quốc hội thực hiện quyền lập hiến, quyền lập pháp” (lập hiến và lập pháp theo Hiến pháp năm 1992 là một quyền). Hiến định nội dung này, Hiến pháp năm 2013 đòi hỏi Quốc hội phải tập trung hơn nữa vào chức năng làm luật để khắc phục tình trạng vừa thiếu pháp luật, vừa mâu thuẫn, chồng chéo trong hệ thống pháp luật, thực hiện có hiệu quả chủ trương của Đảng trong việc xây dựng Nhà nước pháp quyền Việt Nam xã hội chủ nghĩa, bảo đảm mọi hoạt động của các cơ quan Nhà nước, trong đó có Quốc hội đều phải tuân thủ Hiến pháp, pháp luật, không thể tự định cho mình những nhiệm vụ, quyền hạn khác ngoài những nhiệm vụ và quyền hạn đã được Hiến pháp, pháp luật quy định.

Vị trí pháp lý của Quốc hội còn được thể hiện rõ trong các mối quan hệ giữa Quốc hội, Chính phủ, Tòa án nhân dân tối cao trong việc thực hiện quyền lực nhà nước. Cùng với sự phân công rành mạch chức năng, nhiệm vụ của các cơ quan trong việc thực hiện các

quyền lập pháp, hành pháp và tư pháp, cơ chế kiểm soát quyền lực nhà nước còn được thực hiện thông qua sự phối hợp chặt chẽ giữa các cơ quan trong việc thực hiện chức năng, nhiệm vụ của mình, tránh lấn sân, chồng chéo, mâu thuẫn khi thực hiện các chức năng, nhiệm vụ đó. Để tăng cường quan hệ phối hợp trong việc thực hiện quyền lập hiến, quyền lập pháp, Hiến pháp năm 2013 khẳng định Quốc hội là cơ quan thực hiện quyền lập hiến, quyền lập pháp.

Theo đó, sự phối hợp, kiểm soát hoạt động của Quốc hội cũng được thể hiện trong việc thực hiện các chức năng, nhiệm vụ này, theo hướng việc làm Hiến pháp, sửa đổi Hiến pháp không chỉ riêng Quốc hội thực hiện mà còn dựa trên ý kiến đề nghị của “Chủ tịch nước, Ủy ban thường vụ Quốc hội, Chính phủ hoặc ít nhất một phần ba tổng số đại biểu Quốc hội”. Đối với quyền lập pháp, Hiến pháp năm 2013 đã ghi nhận quyền sáng kiến lập pháp của nhiều chủ thể, trong đó có Chính phủ, Tòa án nhân dân tối cao, đồng thời cũng quy định rõ sự khác nhau về quyền sáng kiến lập pháp của cá nhân đại biểu Quốc hội với các cơ quan, tổ chức có thẩm quyền. Sự tham gia của Chính phủ, Tòa án nhân dân tối cao và các cơ quan, tổ chức khác trong quá trình soạn thảo và trình các dự án luật đã thể hiện rõ sự phối hợp giữa Quốc hội với các cơ quan hành pháp và tư pháp trong việc thực hiện quyền lập pháp.

Đối với việc phối hợp trong thực hiện quyền hành pháp, Hiến pháp năm 2013 khẳng định Chính phủ là cơ quan thực hiện quyền hành pháp. Theo đó, Chính phủ có quyền ban hành các chính sách, văn bản độc lập để thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của mình. Đây là điểm mới so với Hiến pháp năm 1992 (Hiến pháp năm 1992 chỉ quy định Chính phủ có quyền ban hành các văn bản hướng dẫn chi tiết việc thi hành luật, nghị quyết của Quốc hội, pháp lệnh, nghị quyết của Ủy ban thường vụ Quốc hội). Trong việc thực hiện quyền hành pháp, mối quan hệ giữa Quốc hội và Chính phủ còn được thể hiện ở quyền quyết định và hoạch định chính sách. Theo đó, Quốc hội quyết định những chính sách dài hạn, mang tầm định hướng quốc gia, còn Chính phủ quyết định những chính sách ngắn hạn, mang tính chất điều hành các mặt kinh tế, xã hội của đất nước.

Bên cạnh đó, cơ chế phối hợp trong việc thực hiện quyền hành pháp còn thể hiện thông qua việc Quốc hội tham gia vào việc quy định tổ chức và hoạt động của Chính phủ;

bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Thủ tướng Chính phủ; phê chuẩn đề nghị bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức Phó Thủ tướng Chính phủ, Bộ trưởng và các thành viên khác của Chính phủ; bỏ phiếu tín nhiệm đối với Thủ tướng Chính phủ, Phó Thủ tướng Chính phủ, Bộ trưởng, các thành viên khác của Chính phủ; quyết định thành lập, bãi bỏ bộ, cơ quan ngang bộ của Chính phủ; thành lập, giải thể, nhập, chia, điều chỉnh địa giới hành chính tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, đơn vị hành chính kinh tế - đặc biệt...

Về quan hệ phối hợp, kiểm soát việc thực hiện quyền tư pháp, Hiến pháp năm 2013 quy định Quốc hội có quyền xét báo cáo công tác của Tòa án nhân dân tối cao; bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chánh án Tòa án nhân dân tối cao; bỏ phiếu tín nhiệm đối với Chánh án Tòa án nhân dân tối cao; bãi bỏ văn bản của Tòa án nhân dân tối cao trái với Hiến pháp, luật, nghị quyết của Quốc hội; phê chuẩn đề nghị bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao. Ngược lại, việc bảo vệ công lý, bảo vệ quyền con người, quyền công dân, bảo vệ chế độ xã hội chủ nghĩa, bảo vệ lợi ích của Nhà nước, quyền và lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân; đấu tranh phòng ngừa và chống các tội phạm, các vi phạm Hiến pháp, pháp luật, giữ vững kỷ cương pháp luật là nhiệm vụ hàng đầu của cơ quan thực hiện quyền tư pháp. Thẩm phán, Hội thẩm xét xử độc lập và chỉ tuân theo pháp luật. Mọi cơ quan, tổ chức, cá nhân không được can thiệp vào hoạt động xét xử của Thẩm phán, Hội thẩm. Các cơ quan, tổ chức và cá nhân có trách nhiệm tôn trọng, giữ gìn, bảo vệ tính pháp quyền và công lý trong các phán quyết của Tòa án. Đây chính là cách thức thể hiện sự phối hợp quan trọng nhất giúp cơ quan tư pháp thực hiện tốt chức năng, nhiệm vụ của mình.

b. Mở rộng về mối quan hệ giữa hình thức trách nhiệm của Quốc hội và các cơ quan nhà nước ở trung ương theo Hiến pháp 2013:

Bộ máy nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam hiện nay là một hệ thống gồm nhiều cơ quan có vị trí, tính chất, chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn khác nhau nhưng có mối quan hệ mật thiết với nhau tạo thành một thể thống nhất. Trong bộ máy nhà nước xã hội chủ nghĩa của ta, Quốc hội chiếm một vị trí đặc biệt với những tính chất và chức năng vô cùng quan trọng, và trong hiến pháp có hẳn một chế định pháp luật về Quốc hội. Để có thể đảm bảo uy tín cũng như trách nhiệm trong việc thực hiện các chức năng của mình, Quốc hội phải gắn bó chặt chẽ đối với các cơ quan nhà nước, đặc biệt là các cơ quan nhà nước ở

trung ương. Trong BT lớn lần này, em xin đi tìm hiểu chi tiết hơn về Quốc hội với đề tài số 10: “Mối quan hệ giữa Quốc hội với các cơ quan nhà nước ở trung ương theo Hiến pháp năm 2013”.

Theo Điều 69 Hiến pháp năm 2013, Quốc hội là cơ quan đại biểu cao nhất của Nhân dân, cơ quan quyền lực nhà nước cao nhất của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam. Quốc hội thực hiện quyền lập hiến, quyền lập pháp, quyết định các vấn đề quan trọng của đất nước và giám sát tối cao đối với hoạt động của Nhà nước. “Chính phủ là cơ quan hành chính nhà nước cao nhất của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, thực hiện quyền hành pháp, là cơ quan chấp hành của Quốc hội.” (Điều 94 Hiến pháp năm 2013). Ta thấy, Quốc hội và Chính phủ gắn bó mật thiết với nhau để xây dựng, phát huy tối đa tiềm lực quốc gia. Về tổ chức, Quốc hội quy định tổ chức và hoạt động của Chính phủ. Thủ tướng Chính phủ do Quốc hội bầu trong số các đại biểu Quốc hội (Điều 98) tại kỳ họp đầu tiên của mỗi khóa. Chính phủ độc lập về nhân viên: ngoài Thủ tướng, các thành viên Chính phủ không thể đồng thời là thành viên Ủy ban thường vụ Quốc hội (khoản 3 Điều 73 Hiến pháp năm 2013). Thủ tướng Chính phủ trình Quốc hội phê chuẩn đề nghị bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức Phó Thủ tướng Chính phủ, Bộ trưởng và thành viên khác của Chính phủ (Khoản 3 Điều 98 và khoản 7 Điều 70 Hiến pháp năm 2013). Nhiệm kỳ của Chính phủ theo nhiệm kỳ của Quốc hội. Khi Quốc hội hết nhiệm kỳ, Chính phủ tiếp tục làm nhiệm vụ cho đến khi Quốc hội khóa mới thành lập Chính phủ (Điều 97 Hiến pháp năm 2013).

c. Khái quát về hình thức trách nhiệm của Chủ tịch nước:

Trước hết, ta cùng tìm hiểu về Chủ tịch nước. Chủ tịch nước là cá nhân giữ vai trò quan trọng, đảm bảo đối nội và đối ngoại về các vấn đề kinh tế-chính trị – xã hội. Vậy Chủ tịch nước là ai? Nhiệm vụ, quyền hạn của Chủ tịch nước được quy định như thế nào? Theo điều 86, chương 6 của Hiến pháp 2013, Chủ tịch nước là người đứng đầu Nhà nước, thay mặt nước Cộng hòa XHCN Việt Nam về đối nội và đối ngoại. Điều 87 nêu, Chủ tịch nước do Quốc hội bầu trong số đại biểu Quốc hội. Chủ tịch nước chịu trách nhiệm và báo cáo công tác trước Quốc hội.

Chủ tịch nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam (gọi tắt: Chủ tịch nước) là nguyên thủ quốc gia của nước Cộng hòa xã hội Chủ nghĩa Việt Nam là người đứng đầu Nhà nước Việt Nam, thay mặt nước Cộng hòa xã hội Chủ nghĩa Việt Nam về đối nội và đối ngoại. Chủ tịch nước thống lĩnh lực lượng vũ trang nhân dân, giữ chức Chủ tịch Hội đồng quốc phòng và an ninh Việt Nam. Chủ tịch Hội đồng quốc phòng và an ninh Việt Nam. Chủ tịch nước là một trong số các đại biểu Quốc hội Việt Nam do toàn thể Quốc hội bầu ra.

Người giữ chức vụ Chủ tịch nước đầu tiên của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là Tôn Đức Thắng, được bầu tại kỳ họp thứ nhất Quốc hội khóa VI năm 1976. Không có quy định pháp luật Chủ tịch nước phải là đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam, tuy nhiên trên thực tế ở Việt Nam, Chủ tịch nước thường là một ủy viên Bộ Chính trị Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam.

Chủ tịch nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thứ 9 là ông Nguyễn Phú Trọng, Đại biểu Quốc hội Việt Nam khóa 14 thành phố Hà Nội, Tổng Bí thư Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam khóa XII.

Chủ tịch nước là người đứng đầu của nhà nước, là người thay mặt nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam quyết định những vấn đề trong và ngoài nước. Đồng thời chủ tịch nước là người được Quốc hội bầu chọn, ngoài ra chủ tịch nước còn có trách nhiệm phải báo cáo các công tác lên trước Quốc hội. Bên cạnh đó, nhiệm kỳ của một người chủ tịch nước được tính theo nhiệm kỳ của Quốc hội, khi hết nhiệm kỳ của Quốc hội thì chủ tịch nước vẫn làm việc cho đến khi Quốc hội khóa mới bầu ra được chủ tịch nước mới.

Về nhiệm vụ và quyền hạn của Chủ tịch nước, Theo Điều 88, quyền chủ tịch nước bao gồm những quyền cụ thể như sau: Công bố Hiến pháp về luật và pháp lệnh. Đồng thời nêu kiến nghị lên Ủy ban thường vụ Quốc hội xem xét lại pháp lệnh trong thời hạn mười ngày(kể từ ngày pháp lệnh được thông qua). Trong trường hợp nếu pháp lệnh đó vẫn được Ủy ban thường vụ Quốc hội biểu quyết tán thành mà Chủ tịch nước vẫn không nhất trí thì Chủ tịch nước trình Quốc hội quyết định tại kỳ họp gần nhất; Có nhiệm vụ đề nghị lên Quốc hội bầu, miễn nhiệm và bãi nhiệm Phó Chủ tịch nước, Thủ tướng Chính phủ theo căn cứ của nghị quyết của Quốc hội về việc bổ nhiệm, miễn nhiệm và cách chức Phó Thủ tướng Chính

phủ, Bộ trưởng và thành viên khác của Chính phủ; Chủ tịch nước có nhiệm vụ đề nghị với Quốc hội bầu cử, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chánh án Tòa án nhân dân tối cao, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao dựa vào căn cứ nghị quyết của Quốc hội về việc bổ nhiệm, miễn nhiệm và cách chức Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, Phó Chánh án Tòa án nhân dân tối cao, Thẩm phán các Tòa án khác, Phó Viện trưởng, Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân tối cao. Bên cạnh đó cũng có quyền đưa ra những quyết định đặc xá cho các tù nhân dựa theo căn cứ của nghị quyết của Quốc hội, công bố quyết định đại xá; Có nhiệm vụ thống lĩnh lực lượng vũ trang nhân dân, đồng thời giữ chức Chủ tịch Hội đồng quốc phòng và an ninh. Có quyền đưa ra những quyết định phong quân hàm, thăng quân hàm, giáng, tước quân hàm cấp tướng, chuẩn đô đốc, phó đô đốc, đô đốc hải quân; Căn cứ vào nghị quyết của Ủy ban thường vụ Quốc hội đưa ra quyết định, lệnh tổng động viên hoặc động viên cục bộ, công bố, bãi bỏ tình trạng khẩn cấp trong các trường hợp Ủy ban thường vụ Quốc hội không thể họp hay thực hiện việc công bố, bãi bỏ tình trạng khẩn cấp từ địa phương đến trung ương cả nước; Tiếp nhận đại sứ đặc mệnh toàn quyền của nước ngoài dựa theo căn cứ của nghị quyết của Ủy ban thường vụ Quốc hội về việc bổ nhiệm, miễn nhiệm; Có nhiệm vụ đưa ra những quyết định cử, triệu hồi đại sứ đặc mệnh toàn quyền của Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam; phong hàm, cấp đại sứ; quyết định đàm phán, ký điều ước quốc tế nhân danh Nhà nước; Có nhiệm vụ trình Quốc hội phê chuẩn, quyết định gia nhập hoặc chấm dứt hiệu lực điều ước quốc tế quy định tại khoản 14 Điều 70.

Đối với quyền chủ tịch nước, theo điều 88 và điều 90 chủ tịch nước có những quyền cơ bản cụ thể như sau: Chủ tịch nước có quyền tham dự các phiên họp của Ủy ban thường vụ Quốc hội và những phiên họp của các cấp Chính phủ; Đồng thời chủ tịch nước có quyền đưa ra yêu cầu Chính phủ họp bàn về các vấn đề mà chủ tịch nước xem xét và cân nhắc thấy cần thiết để có thể thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của mình một cách tốt nhất; Có quyền đưa ra những quyết định tặng thưởng huân chương, huy chương, các giải thưởng nhà nước và các danh hiệu vinh dự nhà nước. Bên cạnh đó chủ tịch nước cũng có quyền quyết định cho công dân nhập quốc tịch, thôi quốc tịch, trở lại quốc tịch hoặc tước quốc tịch Việt Nam của công dân; Có quyền đưa ra những quyết định phê chuẩn, gia nhập hoặc chấm dứt hiệu lực điều ước quốc tế khác nhân danh Nhà nước; Đồng thời có nhiệm vụ bổ nhiệm, miễn nhiệm,

cách chức Tổng tham mưu trưởng, Chủ nhiệm Tổng cục chính trị Quân đội nhân dân Việt Nam dựa theo căn cứ của nghị quyết của Quốc hội hoặc của Ủy ban thường vụ Quốc hội về việc công bố, bãi bỏ quyết định tuyên bố tình trạng chiến tranh.

d. Mở rộng mối liên hệ về hình thức trách nhiệm giữa Chủ tịch nước và các cơ quan khác:

Mối quan hệ giữa Chủ tịch nước với Quốc hội và UBTVQH:

- Quốc hội xét báo cáo công tác của Chủ tịch nước; quy định tổ chức và hoạt động của Chủ tịch nước; bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch nước, Phó Chủ tịch nước; bãi bỏ văn bản của Chủ tịch nước trái với Hiến pháp, luật, nghị quyết của Quốc hội.

- UBTVQH đề nghị Quốc hội bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch nước.

- Đại biểu Quốc hội có quyền chất vấn Chủ tịch nước.

- Chủ tịch nước do Quốc hội bầu trong số đại biểu Quốc hội. Chủ tịch nước chịu trách nhiệm và báo cáo công tác trước Quốc hội. Nhiệm kỳ của Chủ tịch nước theo nhiệm kỳ của Quốc hội. Khi Quốc hội hết nhiệm kỳ, Chủ tịch nước tiếp tục làm nhiệm vụ cho đến khi Quốc hội khoá mới bầu ra Chủ tịch nước. Sau khi được bầu, Chủ tịch nước phải tuyên thệ trung thành với Tổ quốc, nhân dân và Hiến pháp.

- Chủ tịch nước có quyền đề nghị Quốc hội họp kín; có quyền yêu cầu Quốc hội họp bất thường. Chủ tịch nước có quyền trình dự án luật trước Quốc hội, trình dự án pháp lệnh trước UBTVQH.

- Chủ tịch nước có nhiệm vụ và quyền hạn công bố Hiến pháp; công bố luật, pháp lệnh trong thời hạn mười lăm ngày, kể từ ngày được thông qua, trừ trường hợp Chủ tịch nước đề nghị xem xét lại pháp lệnh. Chủ tịch nước có quyền đề nghị UBTVQH xem xét lại pháp lệnh trong thời hạn mười ngày, kể từ ngày pháp lệnh được thông qua, nếu pháp lệnh đó vẫn được UBTVQH biểu quyết tán thành mà Chủ tịch nước vẫn không nhất trí thì Chủ tịch nước trình Quốc hội quyết định tại kỳ họp gần nhất.

- Chủ tịch nước có quyền tham dự phiên họp của UBTVQH.

Mối quan hệ giữa Chủ tịch nước với Chính phủ:

– Chủ tịch nước đề nghị Quốc hội bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Thủ tướng Chính phủ; căn cứ vào nghị quyết của Quốc hội, bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức Phó Thủ tướng Chính phủ, Bộ trưởng và thành viên khác của Chính phủ.

– Chủ tịch nước có quyền tham dự phiên họp của Chính phủ. Chủ tịch nước có quyền yêu cầu Chính phủ họp bàn về vấn đề mà Chủ tịch nước xét thấy cần thiết để thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của Chủ tịch nước.

– Chính phủ báo cáo công tác trước Chủ tịch nước. Thủ tướng Chính phủ báo cáo công tác của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ trước Chủ tịch nước.

– Chính phủ tổ chức thi hành lệnh, quyết định của Chủ tịch nước;

tổ chức đàm phán, ký điều ước quốc tế nhân danh Nhà nước theo ủy quyền của Chủ tịch nước.

Mối quan hệ giữa Chủ tịch nước với TAND tối cao, VKSND tối cao:

– Chủ tịch nước đề nghị Quốc hội bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chánh án TAND tối cao, Viện trưởng VKSND tối cao; căn cứ vào nghị quyết của Quốc hội, bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức Thẩm phán TAND tối cao; bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức Phó Chánh án TAND tối cao, Thẩm phán các Tòa án khác, Phó Viện trưởng, Kiểm sát viên VKSND tối cao; quyết định đặc xá; căn cứ vào nghị quyết của Quốc hội, công bố quyết định đại xá.

– Chánh án TAND tối cao trong thời gian Quốc hội không họp, chịu trách nhiệm và báo cáo công tác trước Chủ tịch nước.

– Viện trưởng VKSND tối cao trong thời gian Quốc hội không họp, chịu trách nhiệm và báo cáo công tác trước Chủ tịch nước.

– Chánh án TAND tối cao, Viện trưởng VKSND tối cao trình Chủ tịch nước ý kiến của Chánh án và Viện trưởng về những trường hợp người bị kết án tử hình xin ân giảm.

Thông qua các mối quan hệ giữa Chủ tịch nước với các thiết chế quyền lực nhà nước, Chủ tịch nước không chỉ thực thi nhiệm vụ và quyền hạn Hiến định của mình mà còn tác động đến việc thực thi nhiệm vụ và quyền hạn của các cơ quan quyền lực khác của Nhà nước. Bên cạnh đó, với vị trí đứng đầu Nhà nước, Chủ tịch nước thực hiện chức năng thay

mặt Nước Cộng hòa XHCN Việt Nam về đối nội và đối ngoại, đại diện cho quốc gia, dân tộc trong các quan hệ với các chủ thể bên trong và bên ngoài phạm vi lãnh thổ quốc gia.

Khi đó, Chủ tịch nước trở thành một trong những biểu tượng của quốc gia, dân tộc; biểu tượng cho khối đại đoàn kết toàn dân tộc, cho sự thống nhất quốc gia, toàn vẹn lãnh thổ, có ảnh hưởng, tác động mạnh mẽ đến đời sống chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội và quan hệ đối nội, đối ngoại của Nước Cộng hòa XHCN Việt Nam với nhân dân trong nước, với các quốc gia, dân tộc và nhân dân trên toàn thế giới.

Kết luận: Cùng với các thiết chế quyền lực khác của Nhà nước, thiết chế Chủ tịch nước trong Hiến pháp sẽ góp phần quan trọng vào việc bảo vệ Hiến pháp, triển khai thi hành Hiến pháp, xây dựng Nhà nước pháp quyền XHCN của dân, do dân, vì dân, vì mục tiêu “dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh.

e. Hình thức trách nhiệm giữa Chủ tịch nước và Quốc hội:

Quốc hội bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch nước; nhiệm kì theo nhiệm kì của Quốc hội, khi Quốc hội hết nhiệm kì thì Chủ tịch nước tiếp tục làm việc cho đến khi Quốc hội khoá mới bầu ra Chủ tịch nước mới; sau khi được bầu, chủ tịch nước phải tuyên thệ trung thành với tổ quốc, nhân dân và hiến pháp.

Quốc hội quy định tổ chức và hoạt động của Chủ tịch nước. Chủ tịch nước chịu trách nhiệm báo cáo công tác trước Quốc hội. Quốc hội có quyền bỏ phiếu tín nhiệm đối với chủ tịch nước.

Đại biểu Quốc hội có quyền chất vấn Chủ tịch nước, Chủ tịch nước phải trả lời chất vấn trước Quốc hội tại kì họp, trong trường hợp cần điều tra thì Quốc hội có thể quyết định cho trả lời trước Ủy ban thường vụ Quốc hội hoặc tại kì họp sau của Quốc hội hoặc gửi văn bản trả lời.

Quốc hội có quyền bãi bỏ các văn bản của chủ tịch nước trái với Hiến pháp, luật, nghị quyết của Quốc hội. Chủ tịch nước công bố hiến pháp, luật, pháp lệnh; trình dự án luật ra trước Quốc hội về luật thông qua việc ban hành luật mới hoặc sửa đổi bổ sung luật hiện hành.

Chủ tịch nước có quyền tham dự phiên họp của uỷ ban thường vụ Quốc hội, đề nghị Uỷ ban thường vụ Quốc hội xem xét lại pháp lệnh trong thời hạn mười ngày, kể từ ngày pháp lệnh được thông qua, nếu pháp lệnh đó vẫn được Uỷ ban thường vụ Quốc hội biểu quyết tán thành mà Chủ tịch nước vẫn không nhất trí thì Chủ tịch nước trình Quốc hội quyết định tại kì họp gần nhất. Chủ tịch nước trình Quốc hội danh sách các thành viên Hội đồng Quốc phòng và an ninh. Trong đó, Chủ tịch nước là Chủ tịch Hội đồng quốc phòng và an ninh, trình Quốc hội quyết định tình trạng chiến tranh, trong trường hợp Quốc hội không họp thì trình Uỷ ban thường vụ Quốc hội quyết định. Chủ tịch nước căn cứ vào nghị quyết của Quốc hội hoặc Uỷ ban thường vụ Quốc hội, công bố, bãi bỏ, quyết định tình trạng chiến tranh; căn cứ vào nghị quyết của Quốc hội để công bố quyết định ân xá; căn cứ vào nghị quyết của Uỷ ban thường vụ Quốc hội, bổ nhiệm, miễn nhiệm, quyết định cử, triệu hồi đại sứ đặc mệnh toàn quyền của nước CHXHCN Việt Nam.

3.3.2 Hình thức trách nhiệm giữa Chủ tịch nước và Chính phủ

Như đã phân tích ở trên, hình thức trách nhiệm của Chủ tịch nước có vai trò cực kì quan trọng đối với sự phát triển của đất nước. Vậy còn chính phủ thì sẽ ra sao? Ta cùng tìm hiểu qua những góc nhìn dưới đây nhé.

a. Khái quát chung về hình thức trách nhiệm của Chủ tịch nước:

Trước hết, ta cần tìm hiểu thêm về Chính phủ. Chính phủ do Quốc hội thành lập, có nhiệm kì theo nhiệm kì của Quốc hội (6 năm). Khi Quốc hội hết nhiệm kì, Chính phủ tiếp tục làm nhiệm vụ cho đến khi Quốc hội khoá mới thành lập Chính phủ mới. Chính phủ gồm có Thủ tướng, các Phó Thủ tướng, các bộ trưởng và các thành viên khác. Ngoài Thủ tướng, các thành viên khác của Chính phủ không nhất thiết là đại biểu Quốc hội. Quốc hội bầu Thủ tướng Chính phủ - người đứng đầu Chính phủ theo đề nghị của Chủ tịch nước trong số các đại biểu Quốc hội và chỉ có Quốc hội mới có quyền miễn nhiệm, bãi nhiệm Thủ tướng trước khi hết nhiệm kì. Thủ tướng Chính phủ đề nghị Quốc hội phê chuẩn việc bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức các phó thủ tướng, bộ trưởng và các thành viên khác của Chính phủ. Căn cứ vào Nghị quyết phê chuẩn của Quốc hội, Chủ tịch nước bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức phó thủ tướng, bộ trưởng và các thành viên khác của Chính phủ.

Chính phủ chịu sự giám sát của Quốc hội, chịu trách nhiệm trước Quốc hội, báo cáo công tác trước Quốc hội, Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Chủ tịch nước.

Chính phủ phải tổ chức thực hiện các nghị quyết của Quốc hội, bảo đảm cho Hiến pháp, luật của Quốc hội được thực hiện trên thực tế. Chính phủ quản lý mọi mặt hoạt động của Nhà nước và đời sống xã hội trên phạm vi toàn quốc. Chính phủ có các chức năng thống nhất quản lý việc thực hiện các nhiệm vụ chính trị, kinh tế, văn hoá, xã hội, quốc phòng, an ninh và đối ngoại của Nhà nước; bảo đảm hiệu lực của bộ máy nhà nước từ trung ương đến cơ sở; bảo đảm việc tôn trọng và chấp hành Hiến pháp và pháp luật; phát huy quyền làm chủ của nhân dân trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, bảo đảm ổn định và nâng cao đời sống vật chất và văn hoá của nhân dân.

Theo Hiến pháp năm 1992, Chính phủ có những nhiệm vụ và quyền hạn sau:

1) Lãnh đạo công tác của các bộ, cơ quan ngang bộ và các cơ quan thuộc Chính phủ, uỷ ban nhân dân các cấp; xây dựng và kiện toàn hệ thống thống nhất bộ máy hành chính nhà nước từ trung ương đến cơ sở; hướng dẫn, kiểm tra Hội đồng nhân dân thực hiện các văn bản của cơ quan nhà nước cấp trên; tạo điều kiện để hội đồng nhân dân thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn theo luật định; đào tạo, bồi dưỡng, sắp xếp và sử dụng đội ngũ viên chức nhà nước;

2) Bảo đảm việc thi hành Hiến pháp và pháp luật trong các cơ quan nhà nước, tổ chức kinh tế, tổ chức xã hội, 'đơn vị vũ trang và công dân; tổ chức và lãnh đạo công tác tuyên truyền, giáo dục Hiến pháp và pháp luật trong nhân dân; 3) Trình dự án luật, pháp lệnh và các dự án khác trước Quốc hội và Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

4) Thống nhất quản lý việc xây dựng, phát triển nền kinh tế quốc dân; thực hiện chính sách tài chính, tiền tệ quốc gia; quản lý và bảo đảm sử dụng có hiệu quả tài sản thuộc sở hữu toàn dân; phát triển văn hoá, giáo dục, y tế, khoa học và công nghệ, thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và ngân sách Nhà nước;

5) Thi hành những biện pháp bảo vệ các quyền và lợi ích hợp pháp của công dân, tạo điều kiện cho công dân sử dụng quyền và làm tròn nghĩa vụ của mình, bảo vệ tài sản, lợi ích của Nhà nước và của xã hội; bảo vệ môi trường;

6) Củng cố và tăng cường nền quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân; bảo đảm an ninh quốc gia và trật tự an toàn xã hội; xây dựng các lực lượng vũ trang nhân dân; thi hành lệnh động viên, lệnh ban bố tình trạng khẩn cấp và mọi biện pháp cần thiết khác để bảo vệ đất nước;

7) Tổ chức và lãnh đạo công tác kiểm kê, thống kê của Nhà nước; công tác thanh tra và kiểm tra Nhà nước, chống quan liêu, tham nhũng trong bộ máy Nhà nước; công tác giải quyết khiếu nại, tố cáo của công dân;

8) Thống nhất quản lý công tác đối ngoại; đàm phán, kí kết điều ước quốc tế nhân danh Nhà nước Cộng hoà Xã hội chủ nghĩa Việt Nam, trừ trường hợp quy định tại điểm 10 Điều 103; đàm phán, kí, phê duyệt, gia nhập điều ước quốc tế nhân danh Chính phủ; chỉ đạo việc thực hiện các điều ước quốc tế mà Cộng hoà Xã hội chủ nghĩa Việt Nam kí kết hoặc gia nhập; bảo vệ lợi ích chính đáng của Nhà nước, lợi ích chính đáng của tổ chức và công dân Việt Nam ở nước ngoài;

9) Thực hiện chính sách xã hội, chính sách dân tộc, chính sách tôn giáo;

10) Quyết định việc điều chỉnh địa giới các đơn vị hành chính dưới cấp tỉnh, thành phố thuộc trung ương;

11) Phối hợp với Mặt trận tổ quốc Việt Nam, các đoàn thể nhân dân trong khi thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của mình; tạo điều kiện để các tổ chức hoạt động có hiệu quả.

Để thực hiện chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn của mình, Chính phủ có quyền ban hành các Nghị quyết, Nghị định. Các quyết định của Chính phủ phải được quá nửa tổng số thành viên Chính phủ biểu quyết tán thành, trong trường hợp biểu quyết ngang nhau thì thực hiện theo phía có ý kiến của Thủ tướng Chính phủ.

Thứ hai, sự ra đời của và phát triển của Chính phủ Việt Nam, Việc thành lập và hoàn thiện các quy định pháp luật về Chính phủ là mối quan tâm của nhiều quốc gia. Ở nước ta, trước Cách mạng tháng Tám năm 1945, để đảm nhiệm tốt công tác chuẩn bị tiến tới khởi nghĩa giành chính quyền, Quốc dân đại hội đã bầu ra Ủy ban dân tộc giải phóng - tiền thân của Chính phủ lâm thời nước Việt Nam dân chủ cộng hoà. Chỉ một ngày sau khi giành chính quyền, trong phiên họp đầu tiên của Chính phủ ngày 03/9/1945, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã đề

ra 6 nhiệm vụ cấp bách, trong đó có nhiệm vụ xây dựng Hiến pháp - đạo luật cơ bản của Nhà nước mới ra đời. Ngày 06/01/1946, cuộc tổng tuyển cử đã được tiến hành trong phạm vi cả nước, Quốc hội được thành lập. Tại kì họp thứ nhất (ngày 02/3/1946), Quốc hội khoá I lập ra Chính phủ chính thức bao gồm: Chủ tịch nước, Phó Chủ tịch nước và Nội các. Vì lợi ích chung của toàn dân tộc nên Chính phủ liên hiệp kháng chiến bao gồm cả những thành viên thuộc nhiều đảng phái. Nhiệm vụ quan trọng đặt ra cho Chính phủ kháng chiến là đảm bảo sự thống nhất các lực lượng của quốc dân về mọi phương diện, tổng động viên nhân lực và tài sản quốc gia để đưa cuộc kháng chiến đến thắng lợi, nước nhà được hoàn toàn độc lập.

Mô hình Chính phủ kháng chiến là cơ sở cho sự ra đời những quy định về Chính phủ trong bản Hiến pháp đầu tiên của nước ta - Hiến pháp năm 1946. Theo quy định tại Chương IV - Chính phủ, Hiến pháp khẳng định rõ chức năng của Chính phủ trong bộ máy nhà nước, cơ cấu thành viên, nhiệm vụ, quyền hạn của Chính phủ và người đứng đầu Chính phủ (Chủ tịch nước).

Hiến pháp năm 1959 ra đời, mô hình Chính phủ có thay đổi nhất định. Chính phủ được đổi tên thành Hội đồng Chính phủ để nhấn mạnh tính tập thể của Chính phủ. Thành phần Hội đồng Chính phủ chỉ bao gồm: Thủ tướng, các Phó Thủ tướng, bộ trưởng, Chủ nhiệm Uỷ ban nhà nước và Tổng giám đốc Ngân hàng nhà nước. Phù hợp với tính chất và chức năng của Hội đồng Chính phủ được quy định tại Điều 71, nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng Chính phủ được thay đổi và bổ sung.

Sau khi thống nhất đất nước, do ảnh hưởng của mô hình chính phủ theo Hiến pháp Liên Xô năm 1977, Hiến pháp Việt Nam năm 1980, Luật tổ chức Hội đồng bộ trưởng ngày 04/7/1981 đã quy định: Hội đồng bộ trưởng là cơ quan chấp hành và hành chính nhà nước cao nhất của cơ quan quyền lực nhà nước cao nhất. Quy định này đã làm hạn chế tính độc lập tương đối của Chính phủ với tính chất vốn có của nó là cơ quan hành chính nhà nước cao nhất.

Hiến pháp năm 1992 ra đời, với nhận thức mới về chủ nghĩa xã hội và những kinh nghiệm tích lũy trong thực tiễn tổ chức quyền lực nhà nước, bộ máy nhà nước đã có những cải cách phù hợp, đặc biệt là hệ thống cơ quan quản lý nhà nước. Hội đồng bộ trưởng đổi tên

thành Chính phủ và được quy định tại Chương VIII Hiến pháp năm 1992. Theo Hiến pháp năm 1992 và Luật tổ chức Chính phủ năm 1992, vị trí của Chính phủ được xác định lại, quyền hạn của Chính phủ và Thủ tướng Chính phủ được tăng cường. Sau 10 năm thực hiện, Hiến pháp năm 1992 đã được sửa đổi, bổ sung vào năm 2001 nhằm tăng quyền hạn cho Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ đồng thời đề cao vai trò cá nhân các thành viên Chính phủ và bãi bỏ thẩm quyền ban hành văn bản quy phạm pháp luật của thủ trưởng các cơ quan thuộc Chính phủ.

Hiến pháp năm 2013 ra đời nhằm nâng cao hiệu lực của bộ máy nhà nước nói chung, trong đó có hệ thống cơ quan hành chính, đảm bảo hoạt động bộ máy hành pháp thực sự mạnh trong việc điều hành, quản lý về mặt nhà nước và lãnh đạo nền kinh tế đất nước. Hiến pháp mới khẳng định quyền hành pháp của Chính phủ, đề cao hơn nữa vai trò Thủ tướng, bộ trưởng và thủ trưởng cơ quan ngang bộ; đồng thời sửa đổi, bổ sung một số nhiệm vụ, quyền hạn của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ và các thành viên khác của Chính phủ nhằm tạo điều kiện cho Chính phủ thực hiện tốt chức năng của mình. Đây là cơ sở cho Quốc hội khoá XIII, kì họp thứ chín thông qua Luật tổ chức Chính phủ ngày 19/6/2015. Tại kì họp thứ 8 Quốc hội khoá XIV đã thông qua Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương (có hiệu lực từ ngày 01/7/2020).

b. Hình thức trách nhiệm của Chính phủ:

Trong lịch sử lập hiến Việt Nam, tên gọi, cơ cấu, chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Chính phủ ở những giai đoạn khác nhau có nhiều điểm rất khác nhau.

Ngay trong Hiến pháp năm 1946, để khẳng định tính thống nhất của quyền lực nhà nước, Điều 22 Hiến pháp quy định: “Nghị viện nhân dân là cơ quan có quyền cao nhất của nước Việt Nam dân chủ cộng hoà”; Nghị viện bầu ra Chính phủ - cơ quan hành chính nhà nước cao nhất của toàn quốc (Điều 43). Theo Hiến pháp năm 1946, nguyên tắc chung tổ chức quyền lực nhà nước là xây dựng chính quyền mạnh mẽ, sáng suốt của nhân dân và thể hiện rõ sự phân công, phân nhiệm giữa các cơ quan trong bộ máy nhà nước. Đồng thời xác định rõ trách nhiệm cá nhân của từng thành viên Chính phủ, đặc biệt là vai trò của người đứng đầu Chính phủ.

Đến Hiến pháp năm 1959, tại Điều 71 quy định: “Hội đồng Chính phủ là cơ quan chấp hành của cơ quan quyền lực nhà nước cao nhất, và là cơ quan hành chính nhà nước cao nhất của nước Việt Nam dân chủ cộng hoà”. Những thay đổi trong tổ chức bộ máy nhà nước thời kì này khẳng định quan điểm mới về tổ chức bộ máy nhà nước theo xu hướng quyền lực nhà nước tập trung vào hệ thống cơ quan dân cử. Hội đồng Chính phủ vẫn được xác định là cơ quan hành chính nhà nước cao nhất, song Hiến pháp cũng xác định rõ tính chất của Hội đồng Chính phủ và mối quan hệ chặt chẽ giữa cơ quan này với Quốc hội: là cơ quan chấp hành của cơ quan quyền lực nhà nước cao nhất.

Kế thừa quy định của Hiến pháp năm 1959, Hiến pháp năm 1980 một lần nữa khẳng định tính chất chấp hành của Hội đồng bộ trưởng trước Quốc hội song vị trí, chức năng của cơ quan này đã có sự thay đổi. Theo Hiến pháp năm 1980 và Luật tổ chức Hội đồng bộ trưởng năm 1981: “Hội đồng bộ trưởng là Chính phủ của nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam, là cơ quan chấp hành và cơ quan hành chính nhà nước cao nhất của cơ quan quyền lực nhà nước cao nhất (Điều 104). Theo đó, Hội đồng bộ trưởng chỉ được xác định là cơ quan hành chính nhà nước cao nhất của Quốc hội. Điều đó thể hiện sự khác biệt so với những quy định về Chính phủ trong Hiến pháp năm 1946 và Hiến pháp năm 1959. Thành viên của Hội đồng bộ trưởng đều do Quốc hội bầu, bãi nhiệm và miễn nhiệm. Hội đồng bộ trưởng không chỉ chịu trách nhiệm và báo cáo công tác trước Quốc hội mà trong thời gian Quốc hội không họp, chịu trách nhiệm và báo cáo công tác trước Hội đồng nhà nước.

Hiến pháp năm 1992 ra đời, đã đổi tên Hội đồng bộ trưởng thành Chính phủ và xác định rõ vị trí: “Chính phủ là cơ quan chấp hành của Quốc hội, cơ quan hành chính nhà nước cao nhất của nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam” (Điều 109).

Quy định trên nhằm chỉ rõ tính chất của Chính phủ và mối quan hệ giữa Chính phủ và Quốc hội. Quy định của Hiến pháp năm 1992 về vị trí, tính chất, chức năng Chính phủ là sự kế thừa có chọn lọc quy định các Hiến pháp Việt Nam đồng thời phù hợp quan điểm chung của các nhà nước hiện đại. Để Chính phủ thật sự là cơ quan hành chính nhà nước cao nhất, Hiến pháp năm 1992 đã sửa đổi, bổ sung nhiều quy định về nhiệm vụ, quyền hạn, cơ cấu tổ chức, trật tự hình thành và các hình thức hoạt động của Chính phủ cho phù hợp yêu cầu công cuộc đổi mới đất nước.

Theo Hiến pháp năm 2013 và Luật tổ chức Chính phủ năm 2015, vị trí, tính chất, chức năng và cơ chế thực hiện quyền hành pháp của Chính phủ được quy định theo tinh thần đổi mới nhằm xây dựng Chính phủ mạnh, hiện đại, dân chủ, thống nhất quản lý vĩ mô các lĩnh vực kinh tế, chính trị, văn hoá, xã hội, quốc phòng, an ninh và đối ngoại của đất nước. Theo Điều 94 Hiến pháp năm 2013 và Điều 1 Luật tổ chức Chính phủ năm 2015: “Chính phủ là cơ quan hành chính nhà nước cao nhất của nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam, thực hiện quyền hành pháp, là cơ quan chấp hành của Quốc hội”. Lần đầu tiên trong lịch sử lập hiến Việt Nam, Hiến pháp khẳng định rõ vai trò của Chính phủ là cơ quan thực hiện quyền hành pháp, đồng thời Hiến pháp nhấn mạnh và đề cao vị trí, tính chất của Chính phủ là cơ quan hành chính nhà nước cao nhất của nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam.

Trong bất kì một nhà nước nào, quyền hành pháp đều được xem như là quyền năng trực tiếp trong hoạch định, đề trình chính sách và tổ chức thực thi chính sách. Cơ quan thực hiện quyền hành pháp không chỉ bó hẹp ở chấp hành pháp luật, mà còn ở việc định hướng chính sách và tổ chức thực thi chính sách. Theo Hiến pháp năm 2013, chức năng của Chính phủ bao gồm phạm vi hoạt động rộng lớn, không đơn thuần chỉ là chấp hành, triển khai chính sách, quyết định được Quốc hội thông qua. Chức năng hành pháp của Chính phủ được thể hiện ở các phương diện sau:

- Đề xuất, xây dựng chính sách vĩ mô, đề xuất định hướng phát triển kinh tế - xã hội trình Quốc hội, trình dự thảo luật trước Quốc hội.
- Ban hành chính sách, kế hoạch cụ thể theo thẩm quyền của Chính phủ; ban hành các văn bản dưới luật để thực thi các chủ trương, chính sách, văn bản do Quốc hội ban hành.
- Tổ chức thực hiện pháp luật; chỉ đạo, hướng dẫn, giám sát việc thực hiện kế hoạch, chính sách bởi các cơ quan hành chính nhà nước nhằm thống nhất quản lý các lĩnh vực của đời sống xã hội.
- Thiết lập trật tự hành chính, thống nhất quản lý nền hành chính quốc gia trên cơ sở các quy định của pháp luật.

Chính phủ do Quốc hội thành lập ra, nhiệm kì theo nhiệm kì của Quốc hội, khi Quốc hội hết nhiệm kì Chính phủ tiếp tục hoạt động cho đến khi bầu ra Chính phủ mới. Thành viên của Chính phủ hoạt động dưới sự giám sát của Quốc hội, Chính phủ chịu trách nhiệm và báo cáo công tác trước Quốc hội. Thành viên của Chính phủ có thể bị Quốc hội bãi nhiệm, miễn nhiệm hoặc cách chức theo quy định của pháp luật. Với thẩm quyền của cơ quan quyền lực nhà nước cao nhất, Quốc hội quyết định những vấn đề quan trọng của đất nước như kế hoạch, ngân sách, các loại thuế, ban hành Hiến pháp và luật... Chính phủ phải tổ chức thực hiện có hiệu quả các văn bản do Quốc hội ban hành. Trên cơ sở cụ thể hoá bằng các văn bản dưới luật, Chính phủ đề ra biện pháp thích hợp, phân công, chỉ đạo và kiểm tra việc thực hiện các văn bản đó trên thực tế.

Tuy nhiên, Hiến pháp năm 2013 nhấn mạnh vị trí Chính phủ là cơ quan hành chính nhà nước cao nhất của nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam, đây là quan điểm có sự đổi mới so với Hiến pháp năm 1980, Hiến pháp năm 1992 nhằm đề cao vị trí của Chính phủ trong bộ máy nhà nước, tạo thế chủ động cho Chính phủ trong hoạt động quản lý nhà nước - đóng vai trò lãnh đạo hệ thống cơ quan hành chính nhà nước. Vai trò của Chính phủ thể hiện ở các hoạt động chỉ đạo, điều hành sau:

- Chính phủ ban hành các kế hoạch, chính sách cụ thể hoá, hướng dẫn, đồng thời kiểm tra, giám sát việc thực thi chủ trương, chính sách, văn bản do Quốc hội ban hành;
- Chính phủ chỉ đạo hoạt động quản lý bao trùm toàn bộ các lĩnh vực trong phạm vi cả nước: kinh tế, văn hoá, xã hội, an ninh, quốc phòng, đối ngoại... Còn các bộ, cơ quan ngang bộ lãnh đạo hoạt động quản lý nhà nước theo một ngành, một lĩnh vực nhất định được phân công.
- Chính phủ thực hiện vai trò lãnh đạo, chỉ đạo, hướng dẫn thực hiện, kiểm tra và đánh giá hoạt động thực hành chủ trương, chính sách và luật của các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ và ủy ban nhân dân...

Ngay trong bản Hiến pháp đầu tiên của Nhà nước ta - Hiến pháp năm 1946 - để thực hiện chính quyền mạnh mẽ, sáng suốt của Nhân dân và thể hiện tính thống nhất của quyền lực nhà nước, Điều 22 đã quy định “Nghị viện nhân dân là cơ quan có quyền cao nhất của

nước Việt Nam dân chủ cộng hòa”. Nghị viện bầu ra Chính phủ - cơ quan hành chính nhà nước cao nhất của toàn quốc.

Đến Hiến pháp năm 1959, tại Điều 71 quy định “Hội đồng Chính phủ là cơ quan chấp hành của cơ quan quyền lực nhà nước cao nhất, và là cơ quan hành chính nhà nước cao nhất của nước Việt Nam dân chủ cộng hòa”. Với quy định này, Hiến pháp năm 1959 đã thể hiện quyền lực nhà nước tập trung vào hệ thống cơ quan dân cử. Hội đồng Chính phủ vẫn được xác định là cơ quan hành chính nhà nước, nhưng đồng thời cũng là cơ quan chấp hành của cơ quan quyền lực nhà nước cao nhất. Kế thừa quy định của Hiến pháp năm 1959, Hiến pháp năm 1980 tiếp tục khẳng định tính chất chấp hành của Hội đồng Bộ trưởng trước Quốc hội, nhưng vị trí, chức năng của cơ quan này đã có sự thay đổi: “Hội đồng Bộ trưởng là Chính phủ của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, là cơ quan chấp hành và là cơ quan hành chính nhà nước cao nhất của cơ quan quyền lực nhà nước cao nhất” (Điều 104). Các thành viên của Hội đồng Bộ trưởng đều do Quốc hội bầu, bãi nhiệm và miễn nhiệm. Hội đồng Bộ trưởng không chỉ chịu trách nhiệm và báo cáo công tác trước Quốc hội, trong thời gian Quốc hội không họp chịu trách nhiệm và báo cáo công tác trước Hội đồng Nhà nước.

Đến năm 1992, bên cạnh việc đổi tên Hội đồng Bộ trưởng thành Chính phủ, Hiến pháp năm 1992 đã xác định lại vị trí của Chính phủ: “Chính phủ là cơ quan chấp hành của Quốc hội và là cơ quan hành chính nhà nước cao nhất của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam” (Điều 109). Đến Hiến pháp năm 2013, với quy định Chính phủ là “cơ quan hành chính nhà nước cao nhất của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, thực hiện quyền hành pháp, là cơ quan chấp hành của Quốc hội” (Điều 94)

Hiến pháp năm 2013 đã sửa đổi, bổ sung một số quy định khác theo hướng làm rõ hơn chức năng, mối quan hệ giữa Chính phủ với Quốc hội và các cơ quan nhà nước khác, như: bỏ quy định về thẩm quyền của Quốc hội “quyết định chương trình xây dựng luật, pháp lệnh”; phân định rõ hơn phạm vi chính sách và các vấn đề quan trọng do Quốc hội và Chính phủ quyết định trên một số lĩnh vực, như: Quốc hội quyết định mục tiêu, chỉ tiêu, chính sách, nhiệm vụ cơ bản phát triển kinh tế, xã hội của đất nước; quyết định chính sách cơ bản về tài chính, tiền tệ quốc gia; quy định, sửa đổi hoặc bãi bỏ các thứ thuế; quyết định phân chia các khoản thu và nhiệm vụ chi giữa ngân sách trung ương và ngân sách địa phương; quyết định

mức giới hạn nợ an toàn quốc gia, nợ công, nợ chính phủ; quyết định dự toán ngân sách nhà nước và phân bổ ngân sách trung ương, phê chuẩn quyết toán ngân sách nhà nước; phê chuẩn, quyết định gia nhập hoặc chấm dứt hiệu lực của điều ước quốc tế liên quan đến chiến tranh, hòa bình, chủ quyền quốc gia, tư cách thành viên của Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam tại các tổ chức quốc tế và khu vực quan trọng, điều ước quốc tế về quyền con người, quyền nghĩa vụ cơ bản của công dân và điều ước quốc tế khác trái với luật, nghị quyết của Quốc hội...

Còn Chính phủ có thẩm quyền đề xuất, xây dựng chính sách trình Quốc hội, Ủy ban thường vụ Quốc hội quyết định hoặc quyết định theo thẩm quyền để thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của mình; trình dự án luật, dự án ngân sách nhà nước và các dự án khác trước Quốc hội; trình dự án pháp lệnh trước Ủy ban thường vụ Quốc hội (khoản 2 Điều 96); ban hành văn bản pháp luật để thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn, kiểm tra việc thi hành các văn bản đó và xử lý các văn bản trái pháp luật theo quy định của luật (Điều 100); thống nhất quản lý về kinh tế, văn hóa, xã hội, giáo dục, y tế, khoa học, công nghệ, môi trường, thông tin, truyền thông, đối ngoại, quốc phòng, an ninh quốc gia, trật tự, an toàn xã hội; thi hành lệnh tổng động viên hoặc động viên cục bộ, lệnh ban bố tình trạng khẩn cấp và các biện pháp cần thiết khác để bảo vệ Tổ quốc, bảo đảm tính mạng, tài sản của Nhân dân (khoản 3 Điều 96); bảo vệ quyền và lợi ích của Nhà nước và xã hội, quyền con người, quyền công dân; bảo đảm trật tự, an toàn xã hội (khoản 6 Điều 96); tổ chức đàm phán, ký điều ước quốc tế nhân danh Nhà nước theo ủy quyền của Chủ tịch nước; quyết định việc ký, gia nhập, phê duyệt hoặc chấm dứt hiệu lực điều ước quốc tế nhân danh Chính phủ, trừ điều ước quốc tế trình Quốc hội phê chuẩn quy định tại khoản 14 Điều 70 (khoản 7 Điều 96)...

Cùng với việc đổi mới quy định về vị trí của Chính phủ, Hiến pháp năm 2013 đã sửa đổi, bổ sung các quy định về cơ chế thực hiện quyền lực, phù hợp với tính chất, vai trò của từng thiết chế: Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, Phó Thủ tướng Chính phủ, Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ. Đối với Chính phủ, Hiến pháp khẳng định nguyên tắc Chính phủ làm việc theo chế độ tập thể, quyết định theo đa số, đồng thời xác lập mối quan hệ trách nhiệm giữa Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ với Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ. Thủ tướng Chính phủ là người đứng đầu Chính phủ, chịu trách nhiệm trước Quốc hội về

hoạt động của Chính phủ và những nhiệm vụ được giao; báo cáo công tác của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ trước Quốc hội, Ủy ban thường vụ Quốc hội, Chủ tịch nước (khoản 2 Điều 95).

Cùng đó, Hiến pháp cũng quy định rõ hơn nhiệm vụ, quyền hạn của Thủ tướng Chính phủ đối với công tác của Chính phủ và việc xây dựng chính sách, tổ chức thi hành pháp luật, về hoạt động của hệ thống hành chính nhà nước: Thủ tướng Chính phủ “lãnh đạo công tác của Chính phủ; lãnh đạo việc xây dựng chính sách và tổ chức thi hành pháp luật”, “lãnh đạo và chịu trách nhiệm về hoạt động của hệ thống hành chính từ trung ương đến địa phương, bảo đảm tính thống nhất và thông suốt của nền hành chính quốc gia”, “đình chỉ việc thi hành hoặc bãi bỏ văn bản của Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Ủy ban nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương trái với Hiến pháp, luật và các văn bản của cơ quan nhà nước cấp trên; đình chỉ việc thi hành nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương trái với Hiến pháp, luật và các văn bản của cơ quan nhà nước cấp trên, đồng thời đề nghị Ủy ban thường vụ Quốc hội bãi bỏ”; bổ sung thẩm quyền “quyết định và chỉ đạo việc đàm phán, chỉ đạo việc ký, gia nhập điều ước quốc tế thuộc nhiệm vụ, quyền hạn của Chính phủ; tổ chức thực hiện điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên” (khoản 5 Điều 98) v.v...

Với các sửa đổi, bổ sung cụ thể nêu trên, vị trí, vai trò của Thủ tướng Chính phủ đã được nâng cao hơn một bước, có đủ quyền hạn để định hướng mục tiêu chung và thúc đẩy việc xây dựng chính sách cũng như các hoạt động của Chính phủ và hệ thống hành chính nhà nước từ trung ương tới địa phương trong việc thực hiện các chức năng, thẩm quyền theo quy định của pháp luật. Đối với Phó Thủ tướng Chính phủ, so với Hiến pháp năm 1992, Hiến pháp năm 2013 bổ sung quy định về vị trí và nhiệm vụ của Phó Thủ tướng Chính phủ: là thành viên Chính phủ (khoản 1 Điều 95), giúp Thủ tướng Chính phủ làm nhiệm vụ theo sự phân công của Thủ tướng Chính phủ và chịu trách nhiệm trước Thủ tướng Chính phủ về nhiệm vụ được phân công (khoản 3 Điều 95), cùng các thành viên khác của Chính phủ chịu trách nhiệm tập thể về hoạt động của Chính phủ (khoản 4 Điều 95). Đối với Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Hiến pháp 2013 xác định rõ hơn, cụ thể hơn về vị trí, vai trò, nhiệm vụ, quyền hạn như chịu trách nhiệm cá nhân trước Thủ tướng Chính phủ, Chính phủ,

Quốc hội về ngành, lĩnh vực được phân công phụ trách, cùng các thành viên khác chịu trách nhiệm tập thể về hoạt động của Chính phủ (khoản 4 Điều 95). Là thành viên Chính phủ và là người đứng đầu bộ, cơ quan ngang bộ, lãnh đạo công tác của Bộ, Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ chịu trách nhiệm quản lý nhà nước về ngành, lĩnh vực được phân công, tổ chức thi hành và theo dõi việc thi hành pháp luật liên quan đến ngành, lĩnh vực trong phạm vi toàn quốc (khoản 1 Điều 99); ban hành văn bản pháp luật để thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của mình; kiểm tra việc thi hành các văn bản đó và xử lý các văn bản trái pháp luật theo quy định của luật (Điều 100). Về chế độ báo cáo, giải trình của Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Hiến pháp năm 2013 quy định Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ có trách nhiệm báo cáo công tác trước Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, đồng thời thực hiện chế độ báo cáo trước Nhân dân về những vấn đề quan trọng thuộc trách nhiệm quản lý (khoản 2 Điều 99).

Về mối quan hệ phối hợp, kiểm soát quyền lực giữa Chính phủ với Tòa án nhân dân, Hiến pháp năm 2013 không có quy định trực tiếp về cơ chế phối hợp, kiểm soát quyền lực giữa Chính phủ với Tòa án nhân dân. Tuy nhiên, để thực hiện nhiệm vụ “cơ quan hành chính nhà nước cao nhất của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam”, Chính phủ có trách nhiệm quản lý về tổ chức bộ máy hành chính nhà nước và chế độ công vụ, công chức (thống nhất quản lý biên chế công chức, biên chế sự nghiệp và quản lý cán bộ, công chức, viên chức, tổ chức thực hiện chế độ tiền lương, phụ cấp và các chế độ chính sách khác đối với cán bộ, công chức, viên chức trong các cơ quan Nhà nước, trong đó có Tòa án nhân dân, từ trung ương đến địa phương; thống nhất quản lý việc sử dụng ngân sách nhà nước, công sở, công sản và thực hiện chế độ tài chính theo quy định của pháp luật).

Đồng thời, phối hợp với Tòa án nhân dân trong việc bảo vệ công lý, bảo vệ quyền con người, quyền công dân, bảo vệ chế độ xã hội chủ nghĩa, bảo vệ lợi ích của Nhà nước, quyền và lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân; đấu tranh phòng ngừa và chống các tội phạm, các vi phạm Hiến pháp, pháp luật, giữ vững kỷ cương pháp luật nhằm thực hiện các mục tiêu kinh tế, xã hội và các chủ trương, chính sách của Nhà nước; đề nghị Tòa án nhân dân xem xét lại bản án, quyết định của Tòa án nếu thấy bản án, quyết định đó có dấu hiệu vi phạm pháp luật. Về phía Tòa án nhân dân, là cơ quan thực hiện quyền tư pháp, Tòa án nhân dân

thực hiện chức năng kiểm soát việc thực hiện các quyền lập pháp, hành pháp thông qua nhiệm vụ, quyền hạn của mình theo quy định của Hiến pháp và luật. Cụ thể, Tòa án nhân dân có thẩm quyền xét xử các vụ án hành chính đối với quyết định hành chính, hành vi hành chính của các cơ quan hành chính nhà nước (hành pháp) và cá nhân có thẩm quyền của các cơ quan đó; phán quyết về các vi phạm quyền con người; kiến nghị sửa đổi, bổ sung các văn bản pháp luật trái với Hiến pháp, mâu thuẫn với các văn bản pháp luật khác hoặc không phù hợp với thực tiễn; kiến nghị cơ quan, tổ chức áp dụng khắc phục nguyên nhân, điều kiện phát sinh tội phạm hoặc vi phạm pháp luật tại cơ quan, tổ chức đó.

c. Mọi quan hệ giữa hình thức trách nhiệm của Chủ tịch nước và Chính phủ:

Từ chỗ là bộ phận của Chính phủ (theo Hiến pháp năm 1946), Chủ tịch nước tách ra thành một cơ quan độc lập, với vai trò đại diện cho đại diện cho nhà nước về đối nội, đối ngoại. Mọi quan hệ giữa Chủ tịch nước và Chính phủ được quy định từ Hiến pháp năm 1992 (sửa đổi bổ sung năm 2001) đến Hiến pháp năm 2013 và luật tổ chức Chính phủ hiện hành quy định như sau: Chủ tịch nước đề nghị Quốc hội bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Thủ tướng Chính phủ; Chủ tịch nước căn cứ vào Nghị quyết của Quốc hội hoặc Ủy ban thường vụ Quốc hội bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức Phó thủ tướng, Bộ trưởng và các thành viên khác của Chính phủ (Khoản 2 Điều 88 Hiến pháp năm 2013). Trong thời gian Quốc hội không họp, Chủ tịch nước có quyền quyết định tạm đình chỉ công tác của Phó thủ tướng, Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ theo đề nghị của Thủ tướng.

Chính phủ mời Chủ tịch nước tham dự phiên họp của Chính phủ và trình Chủ tịch nước quyết định các vấn đề thuộc thẩm quyền của Chủ tịch nước. Thủ tướng chính phủ đôn đốc, kiểm tra việc thực hiện các quyết định của Chủ tịch nước. Các báo cáo của Chính phủ trước khi trình lên Chủ tịch nước phải được thảo luận, và biểu quyết theo đa số.

Việc xác định rõ mối quan hệ giữa hai cơ quan này là để tăng cường vai trò của Chủ tịch nước đối với bộ máy hành pháp và đảm bảo sự phối hợp chặt chẽ, có hiệu quả giữa Quốc hội, Chủ tịch nước và Chính phủ. Chủ tịch nước đề nghị Quốc hội bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Thủ tướng Chính phủ; căn cứ vào nghị quyết của Quốc hội, bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức Phó Thủ tướng Chính phủ, Bộ trưởng và thành viên khác của Chính

phủ. Chủ tịch nước có quyền tham dự phiên họp của Chính phủ. Chủ tịch nước có quyền yêu cầu Chính phủ họp bàn về vấn đề mà Chủ tịch nước xét thấy cần thiết để thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của Chủ tịch nước. Chính phủ báo cáo công tác trước Chủ tịch nước. Thủ tướng Chính phủ báo cáo công tác của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ trước Chủ tịch nước. Chính phủ tổ chức thi hành lệnh, quyết định của Chủ tịch nước;

tổ chức đàm phán, ký điều ước quốc tế nhân danh Nhà nước theo ủy quyền của Chủ tịch nước.

TIỂU KẾT: Qua chương này chúng ta đã nghiên cứu được về mối quan hệ giữa Quốc hội, Chủ tịch nước, Chính phủ theo hiến pháp năm 2013 trong đó tìm hiểu 3 ý chính là quan hệ tổ chức thành lập, quan hệ thẩm quyền, hoạt động, quan hệ giám sát và trách nhiệm. Trong 3 ý chính cũng đã tìm hiểu được về các cách thành lập, quan hệ thẩm quyền hoạt động, thẩm quyền quyết định các vấn đề cơ bản của đất nước... và hình thức trách nhiệm giữa Quốc hội, Chủ tịch nước, Chính phủ.

CHƯƠNG 3

MỘT SỐ KIẾN NGHỊ HOÀN THIỆN MỐI QUAN HỆ GIỮA QUỐC HỘI, CHỦ TỊCH NƯỚC VÀ CHÍNH PHỦ

3.1 Hoàn thiện quan hệ về thành lập Chủ tịch nước, Chính phủ:

3.1.1 Chính phủ:

Luật Tổ chức Chính phủ năm 2015 đã thể chế hóa nhiều vấn đề liên quan đến vị trí, chức năng, quyền hạn, nhiệm vụ của Chính phủ. Đảng, Nhà nước đã có những chủ trương đổi mới mạnh mẽ các thể chế kinh tế; mối quan hệ giữa Nhà nước, thị trường và xã hội đang đổi mới tích cực; trong khi đó, bộ máy hành chính nhà nước chưa có cải cách tương ứng, đồng bộ với cải cách kinh tế. Sự thiếu đồng bộ này đã không phát huy tốt các điểm mới trong các quy định của Hiến pháp năm 2013 và Luật Tổ chức Chính phủ năm 2015 liên quan đến mục tiêu tái cơ cấu bộ máy hành chính nhà nước. Cần nghiên cứu cắt giảm số lượng các bộ, cơ quan ngang bộ xuống mức phù hợp thông qua việc tái cơ cấu lại các bộ, cơ quan ngang bộ, sáp nhập các bộ có nhiệm vụ, chức năng gần nhau để vừa giảm số lượng, vừa khắc phục tình trạng trùng, lấn nhiệm vụ, chức năng giữa một số bộ, đúng theo nguyên tắc: bộ quản lý đa ngành, đa lĩnh vực. Thực tiễn tổ chức Chính phủ mấy nhiệm kỳ vừa qua cho thấy, việc sắp xếp, sáp nhập các bộ thành bộ quản lý đa ngành chưa thật sự đi liền với việc điều chỉnh sâu về chức năng, cắt giảm, lồng ghép nhiệm vụ mà chủ yếu được thực hiện trên cơ sở hợp nhất các bộ đơn ngành, dẫn đến khối lượng công việc, phạm vi lĩnh vực quản lý của bộ trở nên phức tạp. Việc sáp nhập một số bộ thành bộ đa ngành, đa lĩnh vực không kèm theo tái cơ cấu lại cấu trúc bên trong của các bộ. Do vậy, tổ chức bộ máy bên trong bộ, cơ quan ngang bộ trở nên chồng chéo, nhiều tầng nấc trung gian, số đầu mối đơn vị hành chính tăng cao. Chính phủ khóa XIV luôn luôn hướng tới mục tiêu của một Chính phủ kiến tạo, hành động, phát triển. Dù cơ sở lý luận, thực tiễn về Chính phủ kiến tạo, hành động, phát triển còn có nhiều quan điểm, cách tiếp cận khác nhau nhưng quyết tâm chính trị của Chính phủ về một Chính phủ kiến tạo, liêm chính là cơ sở quan trọng để cải cách tổ chức, hoạt động của Chính phủ trong giai đoạn phát triển mới.

Để đáp ứng yêu cầu Chính phủ kiến tạo, hành động, cơ cấu bộ máy của Chính phủ phải tinh gọn, khả năng điều hành của Chính phủ phải nhanh chóng, kịp thời, hiệu quả; để xây dựng Chính phủ kiến tạo mang tính chủ động trong mọi hoạt động, cần phải chú trọng đến phân cấp quản lý, quy định cụ thể hơn nữa về điều kiện để phân cấp, trách nhiệm của cơ quan phân cấp, sự tham gia người dân vào hoạt động của Nhà nước.

Về cơ cấu tổ chức, đề xuất sẽ rút gọn số bộ, cơ quan ngang bộ từ 22 xuống 20 bộ, cơ quan ngang bộ, bằng việc hợp nhất Bộ Tài chính và Bộ Kế hoạch và Đầu tư thành Bộ Tài chính - Kế hoạch đầu tư, Bộ Giao thông Vận tải và Bộ Xây dựng thành Bộ Giao thông và Xây dựng.

Đề xuất thành lập lại Bộ Giáo dục và chuyển nhiệm vụ đào tạo về Bộ Khoa học và Công nghệ và đổi tên Bộ Khoa học và Công nghệ thành Bộ Khoa học - Công nghệ và Đào tạo; điều chuyển việc đào tạo nghề từ Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội về Bộ Khoa học - Công nghệ và Đào tạo; thành lập Bộ Công Thương và Du lịch; Bộ Văn hóa-Thể thao và Thanh niên.

Về cơ cấu nhân sự của Chính phủ gồm Thủ tướng Chính phủ; 4 Phó Thủ tướng Chính phủ, 20 Bộ trưởng và Thủ trưởng cơ quan ngang bộ.

Nếu như muốn có một cơ cấu Chính phủ tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả cần phải đánh giá, rà soát, làm rõ chức năng, nhiệm vụ giữa các bộ, cơ quan ngang bộ, tránh tình trạng chồng chéo, trùng lặp.

Cần đề xuất hai phương án về cơ cấu tổ chức Chính phủ và phương án lựa chọn. Trong mỗi phương án, phải đánh giá được những ưu điểm, hạn chế để có đề xuất phù hợp, đảm bảo mang tính thuyết phục cao, ứng dụng được trong thực tiễn. Về việc hợp nhất giữa các bộ với nhau và điều chỉnh chức năng, nhiệm vụ giữa các bộ, cơ quan ngang bộ, các đại biểu đều tán thành đề xuất trên. Cùng với đó, tinh gọn bộ máy Chính phủ phải gắn với thể chế kinh tế thị trường mới đáp ứng được yêu cầu phát triển nhanh, bền vững kinh tế - xã hội; xác định được những nhiệm vụ nào Chính phủ phải thực hiện, những nhiệm vụ nào do doanh nghiệp và xã hội thực hiện. Để đề xuất có tính thuyết phục cao và khả thi, cần xác định thể nào là cơ quan ngang bộ; đánh giá được thực trạng hoạt động của bộ máy Chính

phủ hiện tại; xác định rõ chức năng, nhiệm vụ giữa các bộ, không trùng lặp, chồng chéo... từ đó mới có thể thiết kế được cơ cấu tổ chức Chính phủ hợp lý...

3.1.2 Chủ tịch nước:

Nhìn chung, vị trí, vai trò của Chủ tịch nước trong bộ máy nhà nước nước ta từ khi tái lập theo Hiến pháp 1992 với những sửa đổi, bổ sung năm 2001 về cơ bản là phù hợp. Tuy nhiên, cũng có một số điểm về chức năng, nhiệm vụ cũng như quan hệ công tác của Chủ tịch nước với các cơ quan nhà nước khác chưa được quy định thành công lắm, chưa kế thừa hữu hiệu các quy định trước đây. Ví như việc bỏ quyền của Ủy ban Thường vụ Quốc hội trong thời gian Quốc hội không họp phê chuẩn đề nghị của Thủ tướng Chính phủ về bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức Phó Thủ tướng, Bộ trưởng, các thành viên khác của Chính phủ và quyền quyết định việc tuyên bố tình trạng chiến tranh khi nước nhà bị xâm lược dẫn đến Chủ tịch nước cũng không còn tham dự gì vào đây nữa; hay việc Chủ tịch nước chỉ được quyết định ban bố tình trạng khẩn cấp khi Ủy ban Thường vụ Quốc hội không thể họp được là quá chặt chẽ và đương nhiên cũng mất tính kịp thời. Những thẩm quyền này vẫn nên để cho Ủy ban Thường vụ Quốc hội và Chủ tịch nước phối hợp thực hiện - vừa bảo đảm kịp thời vừa có tính long trọng - là hợp lý hơn cả.

Để hoàn thiện hơn nữa vị trí của Chủ tịch nước trong cơ chế quyền lực nhà nước đang tiếp tục đổi mới hiện nay, theo chúng tôi cần sửa đổi, bổ sung thêm một số điểm sau đây:

Chủ tịch nước trong điều kiện nước ta, mặc dầu được xác định là người đứng đầu Nhà nước, song về chức năng nhiệm vụ không hoàn toàn giống như nguyên thủ quốc gia ở các nước khác. Trên bình diện quan hệ quốc tế thì với vị trí như của Chủ tịch nước nước ta sẽ có những khó khăn nhất định trong việc tham gia vào các cơ cấu phối hợp giữa các quốc gia. Có lẽ cần nghiên cứu tăng cường hơn nữa quyền hạn của Chủ tịch nước về mặt này như: mở rộng phạm vi tiến hành đàm phán, ký kết điều ước quốc tế và các thoả thuận quốc tế nhân danh Nhà nước Việt Nam không chỉ “với người đứng đầu Nhà nước khác” như Hiến pháp hiện hành quy định để tạo thuận lợi cho việc thực hiện chính sách đối ngoại mềm dẻo của Nhà nước theo hướng đổi mới, mở cửa và hội nhập với thế giới; tăng cường hơn nữa quyền của Chủ tịch nước trong việc phê chuẩn các điều ước quốc tế. Chỉ những điều ước quốc tế có

quan hệ trực tiếp tới chủ quyền, an ninh quốc gia, lãnh thổ, vị thế, chính sách của Nhà nước khi tham gia các tổ chức quốc tế quan trọng... mới cần phải để Quốc hội phê chuẩn.

Khắc phục những khiếm khuyết trong các chỉnh sửa về mối quan hệ giữa Quốc hội, Ủy ban Thường vụ Quốc hội và Chủ tịch nước tại lần sửa đổi, bổ sung Hiến pháp vừa qua (năm 2001), cũng như để tăng cường hơn nữa vai trò, vị trí của Chủ tịch nước, cần xem xét giao cho Chủ tịch nước quyền quyết định việc tuyên bố tình trạng chiến tranh khi nước nhà bị xâm lược (trong thời gian Quốc hội không họp), quyết định tổng động viên, quyết định tình trạng khẩn cấp, quyết định đặc xá... là những quyền hiện thuộc Quốc hội hoặc Ủy ban Thường vụ Quốc hội, vì như vậy sẽ phù hợp hơn với vị trí của nguyên thủ quốc gia, và cũng phù hợp với xu thế giảm dần vai trò của Ủy ban Thường vụ Quốc hội trong tương lai khi Quốc hội trở thành cơ quan hoạt động thường xuyên. Và như đã nói ở trên, việc phê chuẩn đề nghị của Thủ tướng về miễn nhiệm, cách chức các thành viên khác của Chính phủ vẫn nên để cho Ủy ban Thường vụ Quốc hội quyết định (có sự tham gia của Chủ tịch nước như giai đoạn đầu của Hiến pháp 1992) hoặc giao cho Chủ tịch nước thực hiện chứ không nên để Quốc hội thực hiện như hiện nay.

Nghiên cứu giao cho Chủ tịch nước quyền đề nghị Quốc hội xem xét lại các đạo luật đã được thông qua, quyền phủ quyết các bản án của Tòa án nhân dân tối cao đã có hiệu lực pháp luật (dưới hình thức ân xá và đặc xá đặc biệt không cần phải theo các thủ tục quá chặt chẽ như phải có đơn xin của tử tù, có các ý kiến của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao hay của Hội đồng tư vấn đặc xá Trung ương như hiện nay) với mục đích để các cơ quan đó xem xét lại một cách cẩn trọng hơn khi thông qua luật (đối với Quốc hội) và ra các bản án (đối với Tòa án nhân dân tối cao) và cũng như là một hình thức sửa chữa những sai lầm mà các cơ quan đó rất có thể cũng mắc phải. Từ trong cội nguồn tổ chức nhà nước, chế định nguyên thủ quốc gia luôn luôn là một chế định tiềm tàng để xử lý các tình huống cần kíp phòng khi các chế định dân chủ khác đã không còn tác dụng.

Hiến pháp và pháp luật quy định cho Chủ tịch nước trong việc công bố pháp lệnh, nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội có quyền đề nghị Ủy ban Thường vụ Quốc hội xem xét lại pháp lệnh (kể cả một số nghị quyết) trong thời hạn 10 ngày. Tuy nhiên, trên thực tế hầu như không thấy Chủ tịch nước thực hiện quyền này. Điều này được giải thích bằng

việc các dự án đã được chuẩn bị tốt. Nhưng theo chúng tôi có lẽ là do trong việc ban hành pháp lệnh, nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội cũng như khi Ủy ban thường vụ Quốc hội họp thì theo quy định, Chủ tịch nước đã tham dự và nếu có ý kiến gì thì đã trao đổi rồi. Vậy có cần quy định như trên đây nữa không?

Theo quy định của Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật thì Chủ tịch nước còn công bố nghị quyết của Quốc hội tương tự như đối với luật; công bố hoặc đề nghị xem xét lại nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội tương tự như đối với pháp lệnh. Tuy nhiên, quyền này của Chủ tịch nước phải được quy định trong Hiến pháp để tạo sự đầy đủ và thống nhất chứ không phải quy định tại Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật.

Điều 105 Hiến pháp 1992 quy định Chủ tịch nước có quyền tham dự các phiên họp của Ủy ban Thường vụ Quốc hội và khi xét thấy cần thiết thì có quyền tham dự các phiên họp của Chính phủ. Đối với các phiên họp của Ủy ban Thường vụ Quốc hội thì Chủ tịch nước tham dự để nắm bắt và có ý kiến về các vấn đề có liên quan (nhất là khi Ủy ban Thường vụ Quốc hội quyết định những vấn đề quan trọng được Quốc hội giao hay khi thông qua các nghị quyết, pháp lệnh). Điều này là phù hợp và cần thiết, thể hiện sự gắn bó giữa Chủ tịch nước với Quốc hội và Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Riêng đối với phiên họp của Chính phủ mà Chủ tịch nước chỉ “tham dự” e rằng không thích hợp lắm. Trong cơ chế quyền lực nhà nước nói chung, nguyên thủ quốc gia, thực tế cũng như hình thức, đều được coi là người đứng đầu hành pháp. Điều đó thể hiện ở quyền của nguyên thủ quốc gia bổ nhiệm Thủ tướng, quyết định chấp nhận hoặc giải tán Chính phủ. Bình thường, mọi việc của Chính phủ đều do Thủ tướng điều hành, nhưng khi có vấn đề phát sinh cần có sự hiện diện của nguyên thủ quốc gia thì nguyên thủ quốc gia sẽ nắm quyền điều hành đối với Chính phủ. Đối với Chính phủ nước ta, mặc dù có những nét đặc thù, nhưng cơ bản vẫn mang những đặc điểm chung đó thể hiện qua việc Chủ tịch nước giới thiệu Thủ tướng để Quốc hội bầu, căn cứ vào nghị quyết của Quốc hội, bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức Phó Thủ tướng, Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ... Vậy, cần thể hiện nội dung này theo hướng: Chủ tịch nước chỉ tham dự phiên họp của Chính phủ trong các trường hợp thật cần thiết và khi đó Chủ tịch nước sẽ là người chủ tọa phiên họp.

3.2 Hoàn thiện quan hệ về hoạt động

Hoạt động của Chủ tịch nước trong mối quan hệ với Quốc hội cần phải được tách bạch giữa hai vị trí: Chủ tịch nước với vị trí là một Đại biểu Quốc hội và Chủ tịch nước với vị trí là người đại diện cho Nhà nước Việt Nam. Trong báo cáo công tác của Chủ tịch nước Trương Tấn Sang cho thấy các hoạt động của Chủ tịch trong mối quan hệ với cơ quan lập pháp chủ yếu là các hoạt động của Đại biểu Quốc hội. Cả hai nhiệm kỳ của hai Chủ tịch nước từ khi Hiến pháp 2013 có hiệu lực đến nay chưa thể hiện nổi bật vai trò của Chủ tịch nước đối với hoạt động lập pháp thông qua mối quan hệ với cơ quan Quốc hội. Từ thực tiễn thi hành các quy định về Chủ tịch nước trong mối quan hệ với Quốc hội, kiến nghị như sau:

Thứ nhất: Rất cần thiết bổ sung thêm quyền hạn cho Chủ tịch nước trong việc xem xét trách nhiệm của những nhân sự cấp cao trong bộ máy nhà nước. Chủ tịch nước là người đứng đầu nhà nước, đã tham gia vào quy trình bổ nhiệm, miễn nhiệm, xem xét trách nhiệm đối với nhân sự cao cấp của Nhà nước, Chủ tịch nước nên được trao thêm quyền đề nghị Quốc hội bỏ phiếu tín nhiệm đối với Phó Chủ tịch nước, thành viên UBTVQH, thành viên Chính phủ, Chánh án tòa án nhân dân tối cao, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Tổng kiểm toán nhà nước mà Chủ tịch nước thấy những người đó có hành vi vi phạm hiến pháp, luật hoặc không phù hợp với cương vị công tác của mình.

Thứ hai: Cần thiết ban hành một đạo luật riêng cụ thể hóa về nhiệm vụ, quyền hạn của Chủ tịch nước. kiến nghị cần có luật về hoạt động của Chủ tịch nước để thi hành nhiệm vụ, quyền hạn của Chủ tịch nước, đặc biệt cần làm rõ và kết nối với các đạo luật về tổ chức khác, qua đó Chủ tịch nước thể hiện vị thế đại diện cho Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam. Đặc biệt trên hai nhánh quyền lực lập pháp và hành pháp. Tuy nhiên, việc cụ thể hóa chỉ trên cơ sở các điều khoản của Hiến pháp để Chủ tịch nước dễ dàng thi hành hiệu quả, khắc phục tình trạng sau 5 năm ban hành

Hiến pháp mà nhiều nhiệm vụ, quyền hạn của Chủ tịch nước không được sử dụng như đã phân tích ở trên.

3.3 Hoàn thiện quan hệ về trách nhiệm

a) Quy định trách nhiệm kiểm soát lẫn nhau:

- Cần giao cho chủ tịch nước giám sát hoạt động lập pháp và quyết định những vấn đề quan trọng của đất nước. Khi thấy sai sót chủ tịch nước có quyền yêu cầu Quốc hội xem xét lại.

b) Quy định cho chính phủ quyền bảo lưu ý kiến về các dự án kinh tế xã hội, dự án luật không nhất nhất theo ý kiến của Quốc hội như hiện nay

- Quy định trách nhiệm của chủ tịch nước trước Quốc hội khi Quốc hội không hợp. Như hiện nay là phải kì họp Quốc hội mới quyết định được.

c) Quy định trách nhiệm của tập thể chính phủ trước Quốc hội và chủ tịch nước, trách nhiệm này hiện tại chưa có, phải như vậy để các thành viên chính phủ phải cùng cố gắng và chịu trách nhiệm tập thể.

TIỂU KẾT: Qua chương 3 chúng ta có thể thấy rằng mặc dù chương 2 chúng ta đã nói về những mối quan hệ giữa Quốc hội, Chủ tịch nước, Chính phủ theo hiến pháp 2013. Tuy nhiên ở chương 3 đã cho ta thấy một số kiến nghị hoàn thiện giữa Quốc hội, Chủ tịch nước và Chính phủ vậy nên Chương 3 đã đưa ra cho chúng ta một góc nhìn mới.

KẾT LUẬN

Như vậy, mối quan hệ giữa Chính phủ, Quốc hội và Chủ tịch nước theo Hiến pháp 2013 là những mối quan hệ mật thiết, gắn bó hữu cơ không thể tách rời. ngày càng phát huy được vai trò, vị trí, chức năng quan trọng của mình trong bộ máy nhà nước và trong đời sống xã hội, giúp đất nước tiến xa, vươn cao trên trường quốc tế.

Tất cả các cơ quan nhà nước được thành lập, hoạt động và có mối quan hệ qua lại mật thiết và trực thuộc lẫn nhau. Chúng có tính thống nhất về mặt tổ chức: Có cơ quan được bầu ra hay được thành lập ra bởi cơ quan này; có cơ quan được lãnh đạo cơ quan kia và có cơ quan chịu trách nhiệm báo cáo, chịu trách nhiệm trước cơ quan khác. Tất cả các cơ quan nhà nước đều hoạt động trên cơ sở pháp luật.

Quốc hội là cơ quan đại biểu cao nhất của nhân dân, cơ quan quyền lực nhà nước cao nhất của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam. Quốc hội có vị trí toàn quyền trong bộ máy nhà nước.

Chủ tịch nước do Quốc hội bầu ra trong đa số đại biểu Quốc hội chịu trách nhiệm về báo cáo công tác trước Quốc hội. Chủ tịch nước thực hiện các chức năng có tính đại diện long trọng của Nhà nước. Theo nguyên tắc thống nhất quyền lực nhà nước xã hội chủ nghĩa thì Chủ tịch nước gắn liền với Quốc hội, cùng với Quốc hội, Ủy ban thường vụ Quốc hội thực hiện các chức năng đứng đầu Nhà nước.

Chính phủ là cơ quan chấp hành của Quốc hội, cơ quan hành chính cao nhất của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam. Chức năng của Chính phủ là thống nhất quản lý các lĩnh vực chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội, quốc phòng, an ninh và đối ngoại của đất nước, bảo đảm hiệu lực của bộ máy nhà nước từ Trung ương đến các cơ sở; bảo đảm việc tôn trọng và chấp hành Hiến pháp và pháp luật; phát huy quyền làm chủ của nhân dân. Chính phủ do Quốc hội thành lập chịu trách nhiệm trước Quốc hội và báo cáo công tác trước Quốc hội, Ủy ban thường vụ Quốc hội, Chủ tịch nước.

DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO

- 1 Hiến pháp năm 2013
- 2 Hiến pháp năm 1992
- 3 Hiến pháp năm 1980
- 4 Hiến pháp năm 1959
- 5 Hiến pháp năm 1946
- 6 <https://thanhxuan.hanoi.gov.vn/trang-chu>
- 7 THI HÀNH CÁC QUY ĐỊNH VỀ MỐI QUAN HỆ GIỮA CHỦ TỊCH NƯỚC VỚI CHÍNH PHỦ, QUỐC HỘI TRONG HIẾN PHÁP 2013 TS. Nguyễn Thị Minh Hà Khoa Luật, Đại học QG Hà Nội
- 8 Giáo trình Luật Hiến pháp
- 9 Báo điện tử đại biểu nhân dân
- 10 Cổng thông tin điện tử Bộ công an